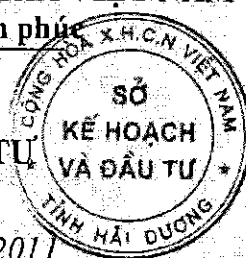


PHỤ LỤC KHÁC KÈM THEO



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9804400651

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 09 năm 2011

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 10 tháng 07 năm 2014

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 03 tháng 02 năm 2015

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: Ngày 21 tháng 05 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ tư: Ngày 18 tháng 11 năm 2019

Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư ngày 26/3/2021;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 041032000108 ngày 22 tháng 09 năm 2011, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp; Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9804400651 chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 21 tháng 05 năm 2018; chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty cổ phần Tân Hà Kiều.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương;

Căn cứ bản nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần Tân Hà Kiều nộp ngày 21 tháng 12 năm 2023.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận: DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9804400651 chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp; được đăng ký điều chỉnh: thông tin hộ chiếu/căn cước công dân người đại diện của nhà đầu tư.

Thông tin nội dung dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

- Công ty TNHH Tập đoàn quốc tế Kim Nguyên; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500400 cấp ngày 21 tháng 8 năm 2008 tại British Virgin Island

do Cơ quan đăng ký các vấn đề doanh nghiệp cấp; Địa chỉ trụ sở: 957 Offshore Incorporations Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands.

Đại diện bởi: Ông GUO YI MIN, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1964, quốc tịch Trung Quốc; Hộ chiếu số: EJ9146881 do Cục xuất nhập cảnh – Bộ Công an Trung Quốc cấp ngày 15 tháng 02 năm 2023. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 1205, Hanhai Plaza, Haidian, Bắc Kinh 100080, Trung Quốc.



- **Công ty Cổ phần SIC Hải Dương:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0800881558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 24 tháng 12 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 27 tháng 11 năm 2019. Trụ sở chính: Khu 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đại diện bởi: Ông Bùi Đức Thuận, quốc tịch: Việt Nam; sinh ngày 25 tháng 01 năm 1957; Căn cước công dân số 030057004928 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26 tháng 05 năm 2022.

- **Prime Resources International Group Ltd:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1630039 cấp ngày 01 tháng 02 năm 2011 tại British Virgin Island do Cơ quan đăng ký các vấn đề doanh nghiệp cấp; Địa chỉ trụ sở: Hai Hui Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands.

Đại diện bởi: Ông GUO YI MIN, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1964, quốc tịch Trung Quốc; Hộ chiếu số: EJ9146881 do Cục xuất nhập cảnh – Bộ Công an Trung Quốc cấp ngày 15 tháng 02 năm 2023. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 1205, Hanhai Plaza, Haidian, Bắc Kinh 100080, Trung Quốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800932851, đăng ký lần đầu ngày 22/09/2011, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 09/11/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC.
2. Mục tiêu dự án:
 - Sản xuất cacbua silic để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
3. Quy mô dự án: 100.000 tấn/năm.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
5. Diện tích đất sử dụng: khoảng 140.000 m².
6. Tổng vốn đầu tư dự án: 14.396.000 USD (Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn US đô la) tương đương 295.000.000.000 VND (Hai trăm chín mươi lăm tỷ Việt nam đồng).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án: 10.892.276 USD (Mười triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi sáu US đô la), tương đương 225.714.000.000 VND (Hai trăm hai mươi lăm tỷ, bảy trăm mười bốn triệu Việt nam đồng), chia thành 22.571.400 (Hai mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm) cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần chiếm

75,66% tổng vốn đầu tư; cụ thể như sau:

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

- **Prime Resources International Group Ltd:** góp 2.505.214 USD (Hai triệu, năm trăm linh năm nghìn, hai trăm mười bốn US đô la), tương đương 51.914.000.000 VND (Năm mươi một tỷ, chín trăm mười bốn triệu Việt nam đồng) bằng 5.191.400 (Năm triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm) cổ phần chiếm 23% vốn góp.

- **Công ty cổ phần SIC Hải Dương:** góp 3.812.301 USD (Ba triệu, tám trăm mười hai nghìn, ba trăm linh một US đô la), tương đương 79.000.000.000 (Bảy mươi chín tỷ Việt nam đồng), bằng 7.900.000 (Bảy triệu, chín trăm nghìn) cổ phần chiếm 35% tỷ lệ vốn góp.

- **Công ty TNHH tập đoàn Quốc tế Kim Nguyên:** góp 4.574.761 USD tương đương (Bốn triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm sáu mươi một US đô la), tương đương 94.800.000.000 VND (Chín mươi tư tỷ, tám trăm triệu Việt nam đồng) bằng 9.480.000 (Chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn) cổ phần chiếm 42% vốn góp.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh sau 24 tháng kể từ ngày được nhận bàn giao đất.

9. Các ưu đãi: Theo quy định hiện hành.

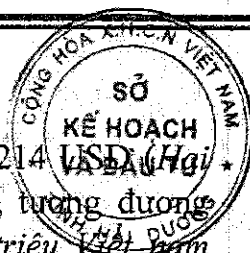
10. Các nội dung khác: Yêu cầu Công ty Cổ phần Tân Hà Kiều thực hiện một số nội dung sau:

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính (Nếu có phát sinh trong quá trình chuyển đổi đầu tư).

- Thực hiện nghiêm túc các cam kết của Chủ đầu tư cũ về công tác bảo vệ môi trường và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam.

- Tiếp tục thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 7 của Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000511 ngày 11/3/2011 của UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Dự án xây dựng nhà máy sản xuất SIC sản lượng 100.000 Tấn/năm của công ty cổ phần SIC Hải Dương cụ thể như sau:

+ Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện một số nội dung sau: Xin ý kiến của cơ quan quản lý để điều, đường sông về việc sử dụng đất ngoài đê và mặt nước sông Đá Vách, sông Hàn Mầu; thoả thuận với ngành điện để đảm bảo cấp điện cho dự án; dự án phải sử dụng công nghệ đảm bảo hiện đại, tiên tiến, tiết kiệm năng lượng; lập và trình duyệt ĐTM trước khi triển khai xây dựng dự án. Ngoài ra, nhà đầu tư phải thực hiện nghiêm các nội dung khác tại Thông báo số 27/TB-VP ngày 25/02/2011 của Văn phòng UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 21/02/2011 về các dự án đầu tư thuê đất và ý kiến của Ban



Thường vụ Tỉnh uỷ tại Thông báo số 110-TB/TU ngày 9/3/2011 về chủ trương chấp thuận Dự án đầu tư nhà máy sản xuất Sic tại khu mỏ Áng Dầu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn.

- Triển khai dự án theo thời gian đã cam kết. Nếu sau 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư không triển khai hoặc không có khả năng thực hiện mà không có lý do chính đáng, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo trình UBND tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Nhà đầu tư đã cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư; cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 2: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định pháp luật.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và chấp hành đầy đủ các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp; thực hiện và tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường.

- Nếu nhà đầu tư không chấp hành các quy định trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình chủ trương đề thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 3: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9804400651 chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp cho dự án NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư; đồng thời được đăng tải lên Hệ thống thông tin Quốc gia về đầu tư.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HẢI DƯƠNG
Nguyễn Duy Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1081 /QĐ- UBND

Hải Dương, ngày 18 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thi công xây dựng các hạng mục công trình có liên quan đến đề điều, thoát lũ và thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất Cacbua Silic tại bãi sông phía bờ tả sông Hàn Mẫu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh phòng chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 111/SNN-ĐD ngày 16 tháng 5 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Tân Hà Kiều được phép xây dựng các hạng mục công trình (phần liên quan đến đề điều, thoát lũ) Dự án Nhà máy sản xuất Cacbua Silic tại bãi sông bờ tả sông Hàn Mẫu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn với các quy định cụ thể sau:

1. Vị trí, địa điểm xây dựng: Trên 02 khu đất ở bãi sông bên bờ tả sông Hàn Mẫu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG955287 và BG955288 ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần Tân Hà Kiều).

2. Các hạng mục công trình xây dựng:

a) Khu A:

- Nhà văn phòng kích thước 30x7,8m; nhà ở công nhân kích thước 36,5x9x5,1m; nhà ăn ca kích thước 30x11x4,7m; kho vật tư kích thước

30x11x7,6m; kho chứa sản phẩm kích thước 30x11x7,6m; xưởng sửa chữa cơ giới kích thước 30x11x7,6m; xưởng sửa chữa cơ điện kích thước 30x11x7,6m. (Tất cả các nhà này chỉ được làm dạng nhà khung thép bùng tôn, mái lợp tôn, không xây tường bao che và phải tháo dỡ tấm bùng trong mùa lũ từ 15/5 đến 15/10 hàng năm). Yêu cầu các công trình xây dựng phải cách bờ sông một khoảng cách tối thiểu 30m.

- Kè bảo vệ bờ sông khu A dài 406,06m. Kè dạng tường chắn đất kết cấu cọc BTCT M300#, chiều dài cọc 15m. Đỉnh kè bố trí vỉa hè rộng 2m và đường nội bộ rộng 10m. Cao trình đỉnh kè +1,09m; tại vị trí trung tâm kè bố trí 01 bến thủy nội địa kích thước 30x30m; kết cấu dạng BTCT trên đài cọc BTCT M300#, chiều dài cọc 15m. Bến thủy nội địa không nhô ra ngoài sông mà bám sát theo mặt kè bảo vệ bờ.

b) Khu B:

- Nhà điều hành kích thước 30x7,8m; nhà ăn ca kích thước 30x11x4,7m; nhà để xe máy kích thước 30x5x3,3m; kho sản phẩm kích thước 35x25x9m; nhà bao che khu vực chế biến kích thước 35x20x9m; kho vật tư kích thước 24x12x7,8m; kho than kích thước 24x17x8,3m; kho cát kích thước 24x17x8,3m; kho phụ gia kích thước 24x12x7,7m; xưởng cơ điện kích thước 24x12x7,8m; nhà bao che cụm lò luyện kích thước 40x6x7,2m; trạm biến áp; nhà bảo vệ, bể nước làm mát tuần hoàn. (Tất cả các nhà này chỉ được làm dạng nhà khung thép bùng tôn, mái lợp tôn, không xây tường bao che và phải tháo dỡ tấm bùng trong mùa lũ từ 15/5 đến 15/10 hàng năm). Yêu cầu các công trình xây dựng phải cách bờ sông một khoảng cách tối thiểu 30m.

- Kè bảo vệ bờ sông khu B dài 233m. Kè dạng tường chắn đất kết cấu cọc BTCT M300#, chiều dài cọc 15m. Đỉnh kè bố trí vỉa hè rộng 2m và đường nội bộ rộng 10m. Cao trình đỉnh kè +1,09m. Tại vị trí trung tâm kè bố trí 01 bến thủy nội địa kích thước 30x18,61m; kết cấu dạng BTCT trên đài cọc BTCT M300#, chiều dài cọc 15m. Bến thủy nội địa không nhô ra ngoài sông mà bám sát theo mặt kè bảo vệ bờ.

3. Thời gian cho phép thi công và hoạt động:

- Thi công: từ ngày ký quyết định đến hết ngày 31/12/2012 (trừ thời gian mùa lũ từ 15/5 đến 15/10 hàng năm).

- Hoạt động: đến 30/4/2014. Sau thời gian trên sẽ kiểm tra, đánh giá hiện trạng và xem xét gia hạn.

Điều 2. Công ty cổ phần Tân Hà Kiều phải chấp hành đúng những quy định dưới đây:

1. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng những quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Trước khi thi công phải báo cho Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão, Hạt quản lý đê huyện Kinh Môn biết để giám sát quá trình thực hiện.

3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động phải đảm bảo an toàn cho đê điều và bờ sông. Nếu phát hiện công trình đê điều, bờ sông có diễn biến mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động, báo cho cơ quan chuyên môn về đê điều biết để có biện pháp xử lý và phải chịu trách nhiệm xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Ngoài các quy định trên không được tiến hành bất kỳ một hoạt động nào khác vi phạm Luật Đê điều, Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kinh Môn, Hạt trưởng Hạt quản lý đê huyện Kinh Môn và Giám đốc Công ty cổ phần Tân Hà Kiều căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Lưu: VT, Ô.Đông (9b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Thừa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2262 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 15 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thời gian cho phép hoạt động và điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình thuộc Dự án nhà máy sản xuất cacbua silic tại khu vực bãi sông bờ tả sông Hàn Mầu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn
(Gia hạn lần 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết của các tuyến sông có đề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 201/TTr-SNN-ĐĐ ngày 10 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian cho phép hoạt động và điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình thuộc Dự án nhà máy sản xuất cacbua silic của Công ty cổ phần Tân Hà Kiều tại Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương "Về việc cho phép thi công xây dựng các hạng mục công trình có liên quan đến đề điều, thoát lũ và thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất Cacbua Silic tại bãi sông phía bờ tả sông Hàn Mầu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn" với các nội dung sau:

1. Các hạng mục công trình thuộc khu A: (Theo thiết kế được duyệt)

a) Điều chỉnh:

- Kích thước nhà văn phòng từ 30x7,8m điều chỉnh thành kích thước 30x16,5m, kết cấu gạch xây, mái bằng hai tầng.

- Kích thước nhà ở cán bộ, nhân viên từ 36,5x9x5,1m điều chỉnh thành kích thước 28x16,5m, kết cấu gạch xây, mái bằng hai tầng.

- Kho chứa sản phẩm kích thước 30x11x7,6m thành nhà hóa nghiệm kích thước 31,6x7,9x6,2; kết cấu gạch xây, mái tôn.

- Chuyển nhà ăn ca tại khu B kích thước 32x11x4,7m sang khu A, điều chỉnh thành kích thước 32x7m, kết cấu cột bê tông vách nhôm kính, mái tôn.

b) Bổ sung:

Lán che ô tô, xe máy kích thước 36x5,8m cột thép mái tôn

c) Các công trình không thực hiện:

- Nhà xưởng sửa chữa cơ giới kích thước 30x11x7,6m.

- Xưởng sửa chữa cơ điện kích thước 30x11x7,6m.

2. Các hạng mục công trình thuộc khu B: (Theo thiết kế được duyệt)

a) Điều chỉnh:

- Vị trí xây dựng nhà điều hành.

- Kích thước nhà bao che cụm lò luyện từ 24x17x8,3m điều chỉnh thành 02 nhà kích thước 31x156x17m và 02 nhà kích thước 33x145x18m.

- Kích thước nhà kho than từ 24x17x8,3m điều chỉnh thành kích thước 46x30x8,3m.

- Kích thước nhà chế biến sản phẩm từ 35x20x9m điều chỉnh thành kích thước 50x23x9m.

- Kích thước kho sản phẩm từ 35x20x9m điều chỉnh thành kích thước 127x23x9m.

- Nhà bao che khu vực chế biến kích thước 35x20x9m điều chỉnh thành kho chứa than số 2 kích thước 46x30x8,3m.

b) Bổ sung một số hạng mục công trình:

- Trung tâm vận hành nhà máy kích thước 21x10x3,6m kết cấu gạch xây, mái bằng.

- Nhà chờ thay ca và nhà tắm công nhân kích thước 16x5x3,6m, kết cấu gạch xây, mái bằng.

c) Các công trình không thực hiện:

Nhà ăn ca kích thước 32x11x4,7m (Vị đã chuyển sang khu A).

3. Thời gian cho phép xây dựng bổ sung và hoạt động: Đến hết ngày 31/12/2016 (trừ thời gian mùa lũ từ ngày 15/5 đến ngày 15/10 hàng năm).

Điều 2. Công ty cổ phần Tân Hà Kiều phải chấp hành đúng những quy định dưới đây:

1. Thực hiện đúng những quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Thực hiện nghiêm các qui định tại Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương "Về việc cho phép thi công xây dựng các hạng mục công trình có liên quan đến đê điều, thoát lũ và thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất Cacbua Silic tại bãi sông phía bờ tả sông Hàn Mầu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn".

3. Khi có yêu cầu của công tác phòng, chống lụt, bão và tu bổ đê điều theo quy hoạch cần thu hồi mặt bằng xây dựng thì Công ty phải tự tháo dỡ các công trình nằm trong quy hoạch và không được đòi hỏi bồi thường.

4. Ngoài các quy định trên phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai, đất đai, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đê điều và Phòng, chống lụt, bão, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kinh Môn, Hạt trưởng Hạt quản lý đê điều huyện Kinh Môn và Giám đốc Công ty cổ phần Tân Hà Kiều căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VP, Ô.Đông (9b) //

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 90 /GXN-STNMT

Hải Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2014

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của Giai đoạn I - Dự án "Đầu tư nhà máy sản xuất SiC tại thị trấn Minh Tân, huyện
Kinh Môn" của Công ty cổ phần SiC Hải Dương (Hiện nay là Công cổ phần Tân Hà Kiều)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Giai đoạn I - Dự án "Đầu tư nhà máy sản xuất SiC tại thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn" của Công ty cổ phần Tân Hà Kiều thực hiện vào ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường,

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty cổ phần Tân Hà Kiều đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Giai đoạn I - Dự án "Đầu tư nhà máy sản xuất SiC tại thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn" sau đây:

- Công trình, thiết bị, biện pháp thu gom, xử lý nước thải bao gồm: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn, nước thải; Công trình bể tự hoại 3 ngăn, ao sinh học xử lý nước thải sinh hoạt; Hệ thống tuần hoàn và giải nhiệt nước làm mát và các thiết bị, máy móc kèm theo.

- Công trình, thiết bị, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải bao gồm: Các biện pháp đảm bảo điều kiện vi khí hậu tại xưởng sản xuất; Thiết bị xyclon thu bụi tại khu vực nghiền; Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.

- Công trình, thiết bị, biện pháp lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường bao gồm: Thiết bị chuyên dụng, kho lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải thông thường.

- Các quy trình, kế hoạch, chương trình về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường; Các biện pháp phòng chống cháy nổ, chống sét.

Điều 2. Công ty cổ phần Tân Hà Kiều có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường và các cơ quan chức năng có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Tân Hà Kiều;
- Lưu: VT Sở, Chi cục BVMT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Kiêm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN HÀ KIỀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: - Phòng tài nguyên và môi trường thị xã Kinh Môn

- Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở TNMT tỉnh Hải Dương

*** Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên Công ty: công ty cổ phần Tân Hà Kiều
2. Địa chỉ: khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
3. Diện tích: 140.000m²
4. Số điện thoại: 0888 016 626
5. Cán bộ phụ trách: Lê Văn Minh, sdt: 0888 016 626, email: leminh10101985@gmail.com
6. Loại hình hoạt động: Doanh nghiệp cổ phần
7. Hồ sơ môi trường: Quyết định về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án nhà máy sản xuất Cacbua Silic” được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành ngày 22 tháng 04 năm 2011.
8. Quy mô, công suất thực tế/thiết kế: 40.000 tấn/năm / 60.000 tấn/năm
9. Số lượng công nhân viên: 180 người

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

a. Nước thải sản xuất là nước làm mát của nhà máy

- Nguồn nước cấp sử dụng cho quá trình làm mát (làm mát điện cực lò và làm mát máy chính lưu) là nước sông Phi Liệt ngay cạnh nhà máy. Nước sông Phi Liệt được bơm có công suất 18KW, qua đường ống có kích D108, chiều dài 80m, bơm vào bể chứa có kích thước (24*10,1*8,2m), thể tích bể là 2000m³, được chia làm 8 ngăn đặt ngay sát khu vực lò luyện.

Nước sông đưa vào bể qua 6 ngăn lắng thì được bơm sử dụng cho làm mát, bơm nước cấp và nước hồi từ bể tuần hoàn cho quá trình làm mát có công suất 100m³/h, trong đó:

+ Tại khu vực làm mát điện cực cho các lò 30.000KVA: Đường ống cấp nước làm mát là ống thép có đường kính Φ114, chiều dài 158m; đường ống hồi nước làm mát về bể tuần hoàn có đường kính Φ150, chiều dài 197m.

+ Tại khu vực làm mát máy chính lưu cho các lò 17.500KVA: Đường ống cấp nước làm mát là ống inox có đường kính Φ100, chiều dài 50m; đường ống hồi nước làm mát về bể tuần hoàn có đường kính Φ100, chiều dài 60m.

Nước làm mát các thanh dẫn và làm mát máy chính lưu được tuần hoàn và chứa trong bể có thể tích là 2000m³.

Lượng nước làm mát được tuần hoàn lại 100% nên không phát sinh nước thải. Nước thất thoát trong công đoạn này là do bay hơi. Hệ thống đường ống định kì được bảo dưỡng và sửa chữa. Hiện tại, hệ thống đường ống này hoạt động rất tốt.

- Ngoài ra Công ty còn sử dụng nước làm mát để phun trực tiếp lên thành lò khi tiến hành dỡ sản phẩm: lượng nước này bốc hơi hoàn toàn khi được phun lên thành lò do vậy không có nước thải phát sinh tại giai đoạn này.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh: 0 m³

b. Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn, văn phòng:

+ Khu vực văn phòng: Đối với nước thải nhà vệ sinh theo bản vẽ thoát nước thải khu vực văn phòng có rãnh thoát nước có kích thước 500cm x 700 cm, dài L = 80m, thoát nước mưa; Và ống thoát nước thải có kích thước $\Phi=200$, dài = 50m, vật liệu PVC-C2 Tiền phong.

- Số lượng công nhân viên khu văn phòng: 15 người

- Số lượng bể phốt = 2 bể

- Thể tích bể phốt = 6m³

Kết cấu tường gạch chỉ đặc, vữa xi măng cát mác 75. Đáy đổ bê tông mác 200, chống thấm. Bể có cấu tạo 5 ngăn cải tiến theo từng chức năng. Bể xây chìm.

- Đối với nước thải nhà ăn: Nước thải từ khu vực nhà bếp được dẫn vào hố ga tách mỡ kích thước 1m x 2m x 1m bằng 0,4m ống nhựa PVC D300. Công ty sử dụng tấm thủy tinh để bẫy mỡ. Nước từ hố ga này được đầu nối vào bể phốt để xử lý cùng với nước thải nhà vệ sinh cuối cùng chảy vào ao sinh học để xử lý.

- Ao sinh học, kích thước 10mx5mx2m, thể tích 100m³, thời gian cải tạo từ tháng 11-12/2018, trong ao thả bèo, hiện tại ao sinh hoạt vẫn hoạt động tốt, sau đó thải ra sông Phi Liệt tại cửa xả phía Đông Nam có tọa độ X: 21°01'05"; Y: 106°36'18".

*** Nguyên lý hoạt động của ao sinh học:**

Ao sinh học được lót bạt chống thấm. Trong ao sinh học các chất ô nhiễm được oxy hóa bởi các loại vi khuẩn dị dưỡng (*Pseudomonas*, *Flavobacterium*, *Archromobacter* và *Alcaligenes*...). Lượng oxy cho quá trình xử lý BOD do hoạt động quang hợp của tảo, bèo trong ao cung cấp.

Như vậy hoạt động của ao dựa vào sự phát triển tự nhiên của bèo. Do quá trình hoạt động quang hợp của bèo trong ao, nên lượng oxy hòa tan trong nước luôn dao động trong ngày. Sau khi mặt trời mọc, hàm lượng oxy hòa tan trong nước tăng lên và đạt giá trị lớn nhất vào đầu giờ buổi chiều và sau đó giảm xuống mức thấp nhất vào nửa đêm, khi quá trình quang hợp ngừng và quá trình hô hấp tiêu thụ nhiều oxy.

Khi bèo hoạt động ở mức đỉnh điểm, các ion cacbonat và bicacbonat thực hiện các phản ứng cung cấp nhiều dioxit carbon cho tảo, do đó nhiều ion hydroxyl được giải phóng. Kết quả là pH của nước có thể tăng. Thực ra quá trình quang hợp là pH tăng đi đôi với cường độ bức xạ lớn. Đây chính là yếu tố kìm hãm sự phát triển của vi khuẩn gây bệnh. Nước xáo trộn tốt, thường do gió thổi trên tầng mặt tạo phân bố đồng đều oxy hòa tan, BOD, vi khuẩn và tảo. Đó là các yếu tố chính làm tăng hiệu quả xử lý của ao sinh học.

Các công trình xử lý nước thải khu văn phòng đã được xác nhận trong báo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 của Dự án theo Giấy xác nhận số 90/GXN-STNMT ngày 7/7/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương. Trong giai đoạn mở rộng giữ nguyên, không thay đổi.

- Phòng thí nghiệm: Nước thải từ phòng thí nghiệm phát sinh rất ít, được thu gom thuê đơn vị có chức năng xử lý như đối với chất thải nguy hại

+ Khu vực nhà xưởng:

- Số lượng công nhân khu xưởng: 150 người

- Số lượng bể phốt: 3 bể

- Kích thước và thể tích từng bể: 4m³

- Kích thước đường ống dẫn nước từ bể phốt về bể thu là ống PVC Φ90, từ các hố thu bơm về bể tuần hoàn là ống HDPE Φ20 và Φ34, công suất bơm là 370W và 750W, tổng chiều dài đường ống dẫn = 160m, độ dốc từ 3-5%. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại khu xưởng sản xuất được dẫn về bể tuần hoàn làm mát, pha loãng với nước làm mát và sử dụng tuần hoàn mà không thải ra môi trường. Công trình hoàn thành vào tháng 12/2019 và được duy trì đảm bảo hoạt động ở công suất 100%.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/ lần.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực 1					
-	Điểm quan trắc 1	NT	28/3/2023 27/6/2023 10/10/2023 28/12/2023			Nước thải sinh hoạt và nhà ăn lấy tại ao sinh học khu vực văn phòng.

- Thông số quan trắc:

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	pH, TSS, COD, BOD5, Ntổng, Ptổng, NH4+-, N, S ²⁻ , F ⁻ , Cl ⁻ , Fe, Mn, Pb, Cd, As, Ni, Coliform, Dầu mỡ khoáng	QCVN 40:2011/BTNMT

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc: Các thông số phân tích đều đạt mức B Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp, có tính đến hệ số lưu lượng nguồn thải và hệ số lưu lượng dòng chảy nơi tiếp nhận nguồn thải.

Bảng 3. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

- Ngày 28/03/2023:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.4	5.5-9
2	TSS	Mg/L	14	100
3	COD	Mg/L	9	150
4	BOD5	Mg/L	3	50
5	N tổng	Mg/L	<3.6	40
6	P tổng	Mg/L	2.5	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	0.65	10
8	Cl ⁻	Mg/L	74	1000
9	F ⁻	Mg/L	<0.30	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	0.28	5
12	Mn	Mg/L	KPH(0.03)	1
13	Pb	Mg/L	KPH(0.002)	0.5
14	Cd	pmg/L	KPH(0.0003)	0.1
15	As	Mg/L	KPH(0.003)	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.03)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<1.0	10
18	Coliform	MPN/100 ml	4600	5000

- Ngày 27/06/2023:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.31	5.5-9
2	TSS	Mg/L	KPH(5)	100
3	COD	Mg/L	<9	150
4	BOD5	Mg/L	<3	50
5	N tổng	Mg/L	4.2	40
6	P tổng	Mg/L	<0.15	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	0.21	10
8	Cl ⁻	Mg/L	81	1000
9	F ⁻	Mg/L	0.39	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	<0.10	5
12	Mn	Mg/L	KPH(0.09)	1
13	Pb	Mg/L	KPH(0.002)	0.5
14	Cd	pmg/L	KPH(0.0003)	0.1
15	As	Mg/L	KPH(0.003)	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.09)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<1	10
18	Coliform	MPN/100 ml	1500	5000

Ngày 10/10/2023:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.11	5.5-9
2	TSS	Mg/L	10	100
3	COD	Mg/L	11	150
4	BOD5	Mg/L	3	50
5	N tổng	Mg/L	9.8	40
6	P tổng	Mg/L	<0.15	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	0.17	10
8	Cl ⁻	Mg/L	21	1000
9	F ⁻	Mg/L	0.33	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	0.11	5
12	Mn	Mg/L	<0.09	1
13	Pb	Mg/L	<0.0050	0.5
14	Cd	pmg/L	<0.0009	0.1
15	As	Mg/L	KPH(0.003)	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.03)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<1	10
18	Coliform	MPN/100 ml	4600	5000

Ngày 28/12/2023:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.05	5.5-9
2	TSS	Mg/L	14	100
3	COD	Mg/L	13	150
4	BOD5	Mg/L		50
5	N tổng	Mg/L	<3.6	40
6	P tổng	Mg/L	0.16	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	<0.08	10
8	Cl ⁻	Mg/L	181	1000
9	F ⁻	Mg/L	<0.30	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	0.24	5
12	Mn	Mg/L	KPH(0.03)	1
13	Pb	Mg/L	0.0051	0.5
14	Cd	Mg/L	KPH(0.0003)	0.1
15	As	Mg/L	<0.009	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.03)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<1.0	10
18	Coliform	MPN/100 ml		5000

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động: Không có

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Do trong nhà máy tập trung sản xuất các loại Cacbua silic nên các nguồn phát sinh khí thải của Nhà máy chủ yếu là bụi, khí và nhiệt. Các nguồn thải khí thải trong các phân xưởng sản xuất mang tính chất tập trung.

2.1.1 Hệ thống thu hồi bụi tại các khu vực nghiền sản phẩm

Trong quá trình nghiền, sẽ phát sinh bụi và khí thải. Để giảm thiểu khí thải và bụi tại các công đoạn này, Công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống thu hồi bụi, khí thải tại các khu vực nghiền. Nguyên lý hoạt động của các hệ thống như sau:

- Bụi phát sinh từ các vị trí như phễu tiếp nhận nguyên liệu, trên hệ thống băng tải sẽ được quạt hút thu hồi vào đường ống có đường kính 20cm đưa vào hệ thống lọc bụi cyclon. Nguyên lý làm việc của thiết bị lọc bụi Cyclon là lợi dụng lực ly tâm khi dòng không khí chuyển động để tách bụi ra khỏi không khí. Trong quá trình chuyển động xoáy ốc lên và xuống trong các ống, các hạt bụi dưới tác động của lực ly tâm va vào thành, mất quán tính và rơi xuống dưới. Ở đáy cyclon, có lắp thêm van xả để xả bụi vào thùng chứa. Van xả là van xả kép 2 cửa không mở đồng thời nhằm đảm bảo luôn cách ly bên trong cyclon với thùng chứa bụi, không cho không khí lọt ra ngoài. Cyclon có cấu tạo đơn giản, hiệu quả cao đối với bụi $>30\ \mu\text{m}$, làm việc ổn định, chi phí đầu tư ban đầu cũng như chi phí vận hành thấp. Hiệu quả thu hồi bụi của hệ thống lọc bụi này đạt 99,9%.

- Hệ thống thu hồi bụi tại các khu vực nghiền điều giống nhau về nguyên lý và các thông số.

- Một số hình ảnh hệ thống thu hồi bụi khu vực nghiền:

- Thông số của các hệ thống:

+ Xuất xứ: Trung Quốc

+ Hiệu quả xử lý: 99,9%

+ Áp lực: 1200 - 1500Pa

+ Vật liệu: thép dày

2.1.2 Hệ thống thông gió tự nhiên

Do đặc thù công nghệ sản xuất phát sinh nhiều nhiệt, do vậy việc thông gió tự nhiên cho nhà xưởng đặc biệt là khu vực đặt lò luyện là vô cùng cần thiết.

- Nhà xưởng được thiết kế nhằm tận dụng tối đa khả năng thông gió tự nhiên. Luồng không khí theo nguyên tắc không khí sạch đi vào phía dưới qua các cửa đón gió và đi ra mang theo một phần không khí nhiễm bẩn từ cửa thoát phía trên gần mái.

- Nhà xưởng được xây dựng là nhà khung thép, khẩu độ 24m, bước cột là 6,0m; chiều cao 6,5m.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1. Quan trắc khí thải định kỳ

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/ lần.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực 1					
1	Điểm quan trắc 1	K1 K2 K3 K4 K5 K6	28/3/2023 27/6/2023 10/10/2023 28/12/2023			Khu vực đầu lò luyện Khu vực giữa lò luyện Khu vực cuối lò luyện Khu vực cửa xẻ Khu vực nghiền than Khu vực nghiền tinh
2	Khu vực 2					
1	Điểm quan trắc 2	K7 K8 K9	28/3/2023 10/10/2023			Khu vực văn phòng Đầu hướng gió cách công ty 100m Cuối hướng gió cách công ty 100m

- Thông số quan trắc:

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Mức ồn, CO, NO ₂ , SO ₂ , HC, VOC, Bụi tổng	QĐ-2002/BYT QCVN 03:2019/BYT QCVN 02:2019/BYT
2	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Mức ồn, CO, NO ₂ , SO ₂ , HC, VOC, Bụi tổng	QCVN 05:2013/BTNMT QCVN 06:2009/BTNMT

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Ngày 28/03/2023:

Bảng 3. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

STT	Thông số		Đơn vị	Kết quả						Giới hạn cho phép
				K1	K2	K3	K4	K5	K6	
1	Nhiệt độ		°C	22.6	22.7	22.9	22.5	22.5	22.8	18-32
2	Độ ẩm		%	77.8	78.3	77.9	77.6	79.5	78.6	40-80
3	Tốc độ gió		m/s	0.38	0.33	0.47	0.42	0.37	0.35	0.2-1.5
4	Mức ồn	LAeq	dBA	80.5	71.6	67.6	82.6	73.7	81.5	≤85
		LAmaz		83.8	75.6	71.9	87.5	76.2	85.7	≤115
5	CO		Mg/m ³	<9	<9	<9	<9	<9	<9	40
6	NO ₂		Mg/m ³	0.023	0.025	0.020	0.016	0.018	0.019	10
7	SO ₂		Mg/m ³	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	10
8	HC		Mg/m ³	KPH (0.006)	KPH (0.006)	<0.020	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	300
9	VOC		Mg/m ³	KPH (0.020)	KPH (0.020)	KPH (0.020)	KPH (0.020)	KPH (0.020)	KPH (0.020)	-
10	Bụi tổng		Mg/m ³	0.59	0.35	0.48	0.66	0.51	0.79	4.0

Bảng 4. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

TT	Thông số		Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/BTNMT	
				K7	K8	K9		
1	Nhiệt độ		°C	22.1	23.5	23.7	-	
2	Độ ẩm		%	77.1	77.5	77.8	-	
3	Tốc độ gió		m/s	0.38	0.54	0.58	-	
4	Mức ồn	LAeq	dBA	60.8	60.5	60.8	≤70	
		LAmaz		63.6	62.3	63.1	-	
				Kết quả			QCVN	QCVN

TT	Thông số	Đơn vị	K7	K8	K9	05:2013/BT NMT	06:2009/B TNMT
5	CO	Mg/m ₃	<9	<9	<9	30	-
6	NO ₂	Mg/m ₃	0.013	0.015	0.014	0.2	-
7	SO ₂	Mg/m ₃	<0.040	<0.040	<0.040	0.35	-
8	HC	Mg/m ₃	KPH (0.006)	<0.020	<0.020	-	5.0
9	VOC	Mg/m ₃	KPH (0.020)	KPH (0.020)	KPH (0.020)	-	-
10	Bụi tổng	Mg/m ₃	0.12	0.12	0.10	0.3	-

- Ngày 27/06/2023:

Bảng 5. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

[illegible]

10	HC	Mg/m ³	0.037	0.047	0.04	<0.020	0.027	<0.020	300
11	VOC	Mg/m ³	0.242	0.317	0.347	0.212	0.197	0.178	-
12	Bụi tổng	Mg/m ³	0.48	0.67	0.53	1.64	1.33	1.79	4.0

- Ngày 10/10/2023:

Bảng 6. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

STT	Thông số		Đơn vị	Kết quả						Giới hạn cho phép	
				K1	K2	K3	K4	K5	K6		K7
1	Nhiệt độ		°C	30.1	30.3	30.5	29.3	27.1	28.4	28.9	18-32
2	Độ ẩm		%	62.8	62.6	62.7	62.2	63.7	64.3	59.3	40-80
3	Tốc độ gió		m/s	0.34	0.35	0.44	0.46	0.32	0.31	0.31	0.2-1.5
4	Ánh sáng		Lux	415	423	437	398	321	312	-	>300
5	Gia tốc rung đứng		m/s ²	0.0012	0.0011	0.0012	0.0022	0.0015	0.0016		0.086
	Gia tốc rung ngang		m/s ²	0.0027	0.0012	0.0028	0.0054	0.0036	0.0037		0.06
6	Mức ồn	LAeq	dBA	75.4	71.5	68.9	83.8	74.5	83.4	60.7	≤85
		LAmaz		79.9	76.3	72.8	88.5	79.2	88.4	63.3	≤115
7	CO		Mg/m ³	<9	<9	<9	<9	<9	<9	<9	40
8	NO ₂		Mg/m ³	0.02	0.025	0.023	0.015	0.017	0.018	0.013	10
9	SO ₂		Mg/m ³	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	10
10	HC		Mg/m ³	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	300
11	VOC		Mg/m ³	0.033	0.035	0.04	0.092	0.039	0.043	0.035	-
12	Bụi tổng		Mg/m ³	1.26	0.89	1.8	4.23	2.28	1.94	0.68	4.0

Bảng 7. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

TT	Thông số		Đơn vị	Kết quả		QCVN 26:2010/BTNMT	
				K8	K9		
1	Nhiệt độ		°C	30.6	30.5	-	
2	Độ ẩm		%	56.2	56.3	-	
3	Tốc độ gió		m/s	0.69	64	-	
4	Mức ồn	LAeq	dBA	59.3	59.7	≤70	
		LAmaz		61.2	61.5	-	
TT	Thông số		Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BT NMT	QCVN 06:2009/B TNMT
				K8	K9		
5	CO		Mg/m ³	<9	<9	30	-
6	NO ₂		Mg/m ³	0.014	0.015	0.2	-
7	SO ₂		Mg/m ³	<0.040	<0.040	0.35	-
8	HC		Mg/m ³	0.02	0.021	-	5.0
9	VOC		Mg/m ³	0.036	0.039	-	-
10	Bụi tổng		Mg/m ³	0.12	0.09	0.3	-

- Ngày 28/12/2023:

Bảng 8. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả						Giới hạn cho phép
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	
1	Nhiệt độ	°C	21.8	21.8	21.9	21.6	22.1	22.5	18-32
2	Độ ẩm	%	66.6	66.2	66.1	65.6	65.2	65.2	40-80
3	Tốc độ gió	m/s	0.33	0.37	0.36	0.37	0.35	0.27	0.2-1.5

4	Ánh sáng		Lux	477	442	436	428	329	322	≥300
5	Gia tốc rung		m/s ²	0.10	0.10	0.10	1.10	0.40	0.60	-
6	Mức ồn	LAeq	dBA	75.6	71.4	69.5	81.5	75.9	63.5	≤85
		LAmaz		78.5	76.3	73.4	85.7	78.9	68.8	≤115
7	CO		Mg/m ³	<9	<9	<9	<9	<9	<9	40
8	NO ₂		Mg/m ³	0.025	0.028	0.022	0.016	0.019	0.023	10
9	SO ₂		Mg/m ³	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	10
10	HC		Mg/m ³	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	<0.020	<0.020	0.045	300
11	VOC		Mg/m ³	0.067	<0.060	<0.060	<0.060	0.178	0.072	-
12	Bụi tổng		Mg/m ³	2.53	1.39	0.98	1.56	3.79	1.73	4.0

4. Về quản lý chất thải rắn

Thông kê CTRSH:

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú

Thông kê CTRCNTT:

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	CTRCNTT	8.100	Công ty CP Môi trường xanh Minh Phúc. 1-2-3.052.VX	
2	CTRCNTT	8.272		

Thông kê CTNH:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽¹⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Vỏ hộp mực in, photocopy	08 02 04	36	TĐ, HR	Công ty CP Môi trường xanh Minh Phúc. 1-2-3.052.VX	Thuê xử lý
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ dính TPNH	18 02 01	1.495	TĐ, HR		
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải tổng hợp	17 02 03	674	Tách nước, TC, TĐ,HR		
Bao bì mềm thải dính TPNH	18 01 01	378	TĐ,HR		
Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải	19 05 02	214	Tách nước,TĐ, HR		
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	24	Nghiền ép, HR		
Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	186	Tẩy rửa, TC		
Ắc quy thải	16 01 12	50	Súc rửa, PT, TC,TĐ,HR		
Tổng		3.057			

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới: Quản lý, phân loại, lưu trữ CTNH đúng quy định. Tiếp tục kí hợp đồng vận chuyển, xử lý CTNH với đơn vị có đầy đủ chức năng.

5. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Thời gian	Cơ quan kiểm tra	Yêu cầu	Kết quả khắc phục

Hải Phòng, ngày 25 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU



ĐẠI DIỆN TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Đức Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN HÀ KIỀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: - Phòng tài nguyên và môi trường thị xã Kinh Môn

- Phòng quản lý môi trường – Sở TNMT tỉnh Hải Dương

*** Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên Công ty: công ty cổ phần Tân Hà Kiều
2. Địa chỉ: khu Tử Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
3. Diện tích: 140.000m²
4. Số điện thoại: 0888 016 626
5. Cán bộ phụ trách: Lê Văn Minh, sdt: 0888 016 626, email: leminh10101985@gmail.com
6. Loại hình hoạt động: Doanh nghiệp cổ phần
7. Hồ sơ môi trường: Quyết định về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án nhà máy sản xuất Cacbua Silic” được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành ngày 22 tháng 04 năm 2011.
8. Quy mô, công suất thực tế/thiết kế: 40.000 tấn/năm / 60.000 tấn/năm
9. Số lượng công nhân viên: 180 người

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

a. Nước thải sản xuất là nước làm mát của nhà máy

- Nguồn nước cấp sử dụng cho quá trình làm mát (làm mát điện cực lò và làm mát máy chính lưu) là nước sông Phi Liệt ngay cạnh nhà máy. Nước sông Phi Liệt được bơm có công suất 18KW, qua đường ống có kích D108, chiều dài 80m, bơm vào bể chứa có kích thước (24*10,1*8,2m), thể tích bể là 2000m³, được chia làm 8 ngăn đặt ngay sát khu vực lò luyện.

Nước sông đưa vào bể qua 6 ngăn lắng thì được bơm sử dụng cho làm mát, bơm nước cấp và nước hồi từ bể tuần hoàn cho quá trình làm mát có công suất 100m³/h, trong đó:

+ Tại khu vực làm mát điện cực cho các lò 30.000KVA: Đường ống cấp nước làm mát là ống thép có đường kính Φ114, chiều dài 158m; đường ống hồi nước làm mát về bể tuần hoàn có đường kính Φ150, chiều dài 197m.

+ Tại khu vực làm mát máy chính lưu cho các lò 17.500KVA: Đường ống cấp nước làm mát là ống inox có đường kính Φ100, chiều dài 50m; đường ống hồi nước làm mát về bể tuần hoàn có đường kính Φ100, chiều dài 60m.

Nước làm mát các thanh dẫn và làm mát máy chính lưu được tuần hoàn và chứa trong bể có thể tích là 2000m³.

Lượng nước làm mát được tuần hoàn lại 100% nên không phát sinh nước thải. Nước thất thoát trong công đoạn này là do bay hơi. Hệ thống đường ống định kì được bảo dưỡng và sửa chữa. Hiện tại, hệ thống đường ống này hoạt động rất tốt.

- Ngoài ra Công ty còn sử dụng nước làm mát để phun trực tiếp lên thành lò khi tiến hành dỡ sản phẩm: lượng nước này bốc hơi hoàn toàn khi được phun lên thành lò do vậy không có nước thải phát sinh tại giai đoạn này.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh: 0 m³

b. Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn, văn phòng:

+ Khu vực văn phòng: Đối với nước thải nhà vệ sinh theo bản vẽ thoát nước thải khu vực văn phòng có rãnh thoát nước có kích thước 500cm x 700 cm, dài L = 80m, thoát nước mưa; Và ống thoát nước thải có kích thước $\Phi=200$, dài = 50m, vật liệu PVC-C2 Tiên phong.

- Số lượng công nhân viên khu văn phòng: 15 người

- Số lượng bể phốt = 2 bể

- Thể tích bể phốt = 6m³

Kết cấu tường gạch chỉ đặc, vữa xi măng cát mác 75. Đáy đổ bê tông mác 200, chống thấm. Bể có cấu tạo 5 ngăn cải tiến theo từng chức năng. Bể xây chìm.

- Đối với nước thải nhà ăn: Nước thải từ khu vực nhà bếp được dẫn vào hố ga tách mỡ kích thước 1m x 2m x 1m bằng 0,4m ống nhựa PVC D300. Công ty sử dụng tấm thủy tinh để bẫy mỡ. Nước từ hố ga này được đầu nối vào bể phốt để xử lý cùng với nước thải nhà vệ sinh cuối cùng chảy vào ao sinh học để xử lý.

- Ao sinh học, kích thước 10mx5mx2m, thể tích 100m³, thời gian cải tạo từ tháng 11-12/2018, trong ao thả bèo, hiện tại ao sinh hoạt vẫn hoạt động tốt, sau đó thải ra sông Phi Liệt tại cửa xả phía Đông Nam có tọa độ X: 21°01'05"; Y: 106°36'18".

*** Nguyên lý hoạt động của ao sinh học:**

Ao sinh học được lót bạt chống thấm. Trong ao sinh học các chất ô nhiễm được oxy hóa bởi các loại vi khuẩn dị dưỡng (*Pseudomonas*, *Flavobacterium*, *Archromobacter* và *Alcaligenes*...). Lượng oxy cho quá trình xử lý BOD do hoạt động quang hợp của tảo, bèo trong ao cung cấp.

Như vậy hoạt động của ao dựa vào sự phát triển tự nhiên của bèo. Do quá trình hoạt động quang hợp của bèo trong ao, nên lượng oxy hòa tan trong nước luôn dao động trong ngày. Sau khi mặt trời mọc, hàm lượng oxy hòa tan trong nước tăng lên và đạt giá trị lớn nhất vào đầu giờ buổi chiều và sau đó giảm xuống mức thấp nhất vào nửa đêm, khi quá trình quang hợp ngừng và quá trình hô hấp tiêu thụ nhiều oxy.

Khi bèo hoạt động ở mức đỉnh điểm, các ion cacbonat và bicacbonat thực hiện các phản ứng cung cấp nhiều dioxit carbon cho tảo, do đó nhiều ion hydroxyl được giải phóng. Kết quả là pH của nước có thể tăng. Thực ra quá trình quang hợp là pH tăng đi đôi với cường độ bức xạ lớn. Đây chính là yếu tố kìm hãm sự phát triển của vi khuẩn gây bệnh. Nước xáo trộn tốt, thường do gió thổi trên tầng mặt tạo phân bố đồng đều oxy hòa tan, BOD, vi khuẩn và tảo. Đó là các yếu tố chính làm tăng hiệu quả xử lý của ao sinh học.

Các công trình xử lý nước thải khu văn phòng đã được xác nhận trong báo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 của Dự án theo Giấy xác nhận số 90/GXN-STNMT ngày 7/7/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương. Trong giai đoạn mở rộng giữ nguyên, không thay đổi.

- Phòng thí nghiệm: Nước thải từ phòng thí nghiệm phát sinh rất ít, được thu gom thuê đơn vị có chức năng xử lý như đối với chất thải nguy hại

+ Khu vực nhà xưởng:

- Số lượng công nhân khu xưởng: 150 người

- Số lượng bể phốt: 3 bể

- Kích thước và thể tích từng bể: 4m³

- Kích thước đường ống dẫn nước từ bể phốt về bể thu là ống PVC Φ90, từ các hố thu bơm về bể tuần hoàn là ống HDPE Φ20 và Φ34, công suất bơm là 370W và 750W, tổng chiều dài đường ống dẫn = 160m, độ dốc từ 3-5%. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại khu xưởng sản xuất được dẫn về bể tuần hoàn làm mát, pha loãng với nước làm mát và sử dụng tuần hoàn mà không thải ra môi trường. Công trình hoàn thành vào tháng 12/2019 và được duy trì đảm bảo hoạt động ở công suất 100%.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/ lần.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực 1					
-	Điểm quan trắc 1	NT	28/3/2024 21/6/2024 09/10/2024 25/12/2024			Nước thải sinh hoạt và nhà ăn lấy tại ao sinh học khu vực văn phòng.

- Thông số quan trắc:

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	pH, TSS, COD, BOD5, Ntổng, Ptổng, NH4+-, N, S ²⁻ , F ⁻ , Cl ⁻ , Fe, Mn, Pb, Cd, As, Ni, Coliform, Dầu mỡ khoáng	QCVN 40:2011/BTNMT

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc: Các thông số phân tích (ngoại trừ thông số Coliform) đều đạt mức B Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp, có tính đến hệ số lưu lượng nguồn thải và hệ số lưu lượng dòng chảy nơi tiếp nhận nguồn thải.

Bảng 3. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

- Ngày 28/03/2024:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.08	5.5-9
2	TSS	Mg/L	67	100
3	COD	Mg/L	58	150
4	BOD5	Mg/L	19	50
5	N tổng	Mg/L	<3.6	40
6	P tổng	Mg/L	0.16	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	1.23	10
8	Cl ⁻	Mg/L	74	1000
9	F ⁻	Mg/L	0.45	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	0.35	5
12	Mn	Mg/L	<0.045	1
13	Pb	Mg/L	KPH(0.002)	0.5
14	Cd	pmg/L	KPH(0.0002)	0.1
15	As	Mg/L	<0.0060	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.025)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<3.5	10
18	Coliform	MPN/100 ml	35*10 ⁴	5000

- Ngày 21/06/2024:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.21	5.5-9
2	TSS	Mg/L	16	100
3	COD	Mg/L	14	150
4	BOD5	Mg/L	4	50
5	N tổng	Mg/L	<4.5	40
6	P tổng	Mg/L	0.19	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	<0.08	10
8	Cl ⁻	Mg/L	21	1000
9	F ⁻	Mg/L	KPH(0.1)	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	<0.10	5
12	Mn	Mg/L	KPH(0.015)	1
13	Pb	Mg/L	KPH(0.002)	0.5
14	Cd	pmg/L	<0.0006	0.1
15	As	Mg/L	0.0061	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.025)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<3.5	10
18	Coliform	MPN/100 ml	16000	5000

Ngày 09/10/2024:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.29	5.5-9
2	TSS	Mg/L	18	100
3	COD	Mg/L	18	150
4	BOD5	Mg/L	6	50
5	N tổng	Mg/L	<3.6	40
6	P tổng	Mg/L	0.18	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	0.18	10
8	Cl ⁻	Mg/L	14	1000
9	F ⁻	Mg/L	<0.30	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	0.26	5
12	Mn	Mg/L	0.056	1
13	Pb	Mg/L	KPH(0.002)	0.5
14	Cd	pmg/L	0.0011	0.1
15	As	Mg/L	KPH(0.002)	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.025)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<3.5	10
18	Coliform	MPN/100 ml	35000	5000

Ngày 25/12/2024:

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.15	5.5-9
2	TSS	Mg/L	21	100
3	COD	Mg/L	18	150
4	BOD5	Mg/L	5	50
5	N tổng	Mg/L	<3.6	40
6	P tổng	Mg/L	0.47	6
7	NH ₄ ⁺ -N	Mg/L	1.12	10
8	Cl ⁻	Mg/L	88	1000
9	F ⁻	Mg/L	KPH(0.1)	10
10	S ²⁻	Mg/L	<0.040	0.5
11	Fe	Mg/L	0.17	5
12	Mn	Mg/L	0.098	1
13	Pb	Mg/L	KPH(0.002)	0.5
14	Cd	Mg/L	<0.0006	0.1
15	As	Mg/L	KPH(0.002)	0.1
16	Ni	Mg/L	KPH(0.015)	0.5
17	Dầu mỡ khoáng	Mg/L	<3.5	10
18	Coliform	MPN/100 ml	92000	5000

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động: Không có

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Do trong nhà máy tập trung sản xuất các loại Cacbua silic nên các nguồn phát sinh khí thải của Nhà máy chủ yếu là bụi, khí và nhiệt. Các nguồn thải khí thải trong các phân xưởng sản xuất mang tính chất tập trung.

2.1.1 Hệ thống thu hồi bụi tại các khu vực nghiền sản phẩm

Trong quá trình nghiền, sẽ phát sinh bụi và khí thải. Để giảm thiểu khí thải và bụi tại các công đoạn này, Công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống thu hồi bụi, khí thải tại các khu vực nghiền. Nguyên lý hoạt động của các hệ thống như sau:

- Bụi phát sinh từ các vị trí như phễu tiếp nhận nguyên liệu, trên hệ thống băng tải sẽ được quạt hút thu hồi vào đường ống có đường kính 20cm đưa vào hệ thống lọc bụi cyclon. Nguyên lý làm việc của thiết bị lọc bụi Cyclon là lợi dụng lực ly tâm khi dòng không khí chuyển động để tách bụi ra khỏi không khí. Trong quá trình chuyển động xoáy ốc lên và xuống trong các ống, các hạt bụi dưới tác động của lực ly tâm va vào thành, mất quán tính và rơi xuống dưới. Ở đáy cyclon, có lắp thêm van xả để xả bụi vào thùng chứa. Van xả là van xả kép 2 cửa không mở đồng thời nhằm đảm bảo luôn cách ly bên trong cyclon với thùng chứa bụi, không cho không khí lọt ra ngoài. Cyclon có cấu tạo đơn giản, hiệu quả cao đối với bụi $>30 \mu m$, làm việc ổn định, chi phí đầu tư ban đầu cũng như chi phí vận hành thấp. Hiệu quả thu hồi bụi của hệ thống lọc bụi này đạt 99,9%.

- Hệ thống thu hồi bụi tại các khu vực nghiền đều giống nhau về nguyên lý và các thông số.

- Một số hình ảnh hệ thống thu hồi bụi khu vực nghiền:

- Thông số của các hệ thống:

- + Xuất xứ: Trung Quốc

- + Hiệu quả xử lý: 99,9%

- + Áp lực: 1200 - 1500Pa

- + Vật liệu: thép dày

2.1.2 Hệ thống thông gió tự nhiên

Do đặc thù công nghệ sản xuất phát sinh nhiều nhiệt, do vậy việc thông gió tự nhiên cho nhà xưởng đặc biệt là khu vực đặt lò luyện là vô cùng cần thiết.

- Nhà xưởng được thiết kế nhằm tận dụng tối đa khả năng thông gió tự nhiên. Luồng không khí theo nguyên tắc không khí sạch đi vào phía dưới qua các cửa đón gió và đi ra mang theo một phần không khí nhiễm bẩn từ cửa thoát phía trên gần mái.

- Nhà xưởng được xây dựng là nhà khung thép, khẩu độ 24m, bước cột là 6,0m; chiều cao 6,5m.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1. Quan trắc khí thải định kỳ

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/ lần.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực 1					
1	Điểm quan trắc 1	K1 K2 K3 K4 K5 K6 K7	28/3/2024 21/6/2024 09/10/2024 25/12/2024			Khu vực đầu lò luyện Khu vực giữa lò luyện Khu vực cuối lò luyện Khu vực cưa xẻ Khu vực nghiền than Khu vực nghiền tinh Khu vực văn phòng
2	Khu vực 2					
1	Điểm quan trắc 2	K8 K9	28/3/2024 09/10/2024			Đầu hướng gió cách công ty 100m Cuối hướng gió cách công ty 100m

- Thông số quan trắc:

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Mức ồn, CO, NO ₂ , SO ₂ , HC, VOC, Bụi tổng	QĐ-2002/BYT QCVN 03:2019/BYT QCVN 02:2019/BYT
2	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Mức ồn, CO, NO ₂ , SO ₂ , HC, VOC, Bụi tổng	QCVN 05:2013/BTNMT QCVN 06:2009/BTNMT

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Ngày 28/03/2024:

Bảng 3. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

STT	Thông số		Đơn vị	Kết quả							Giới hạn cho phép
				K1	K2	K3	K4	K5	K6		
1	Nhiệt độ		°C	26.8	27.2	27.5	26.1	25.6	25.8	25.4	18-32
2	Độ ẩm		%	78.8	78.5	78.7	78.8	79.1	78.2	77.6	40-80
3	Tốc độ gió		m/s	0.3	0.3	0.32	0.32	0.33	0.25	0.25	0.2-1.5
4	Ánh sáng		Lux	465	458	440	419	320	319	-	≥300
5	Gia tốc rung	Đứng	M ² /s	0.0012	0.0011	0.0012	0.0023	0.0016	0.0017	-	0.086
		Ngang	M ² /s	0.0027	0.0027	0.0028	0.0058	0.0038	0.0039	-	0.06
6	Mức ồn	LAeq	dBA	73.5	70.5	70.1	70	73.9	65.5	50.6	≤85
		LAmaz		78.1	75.9	74.2	84.6	77.5	69.4	53.4	≤115
7	CO		Mg/m ³	<9	<9	<9	<9	<9	<9	<9	40
8	NO ₂		Mg/m ³	0.026	0.028	0.032	0.017	0.020	0.016	0.012	10
9	SO ₂		Mg/m ³	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	10
10	HC		Mg/m ³	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	KPH (0.006)	0.017	KPH(0.006)	KPH (0.006)	300
11	VOC		Mg/m ³	KPH (0.01)	<0.030	KPH (0.01)	<0.030	<0.030	KPH(0.01)	KPH (0.01)	-
12	Bụi tổng		Mg/m ³	1.04	0.94	0.76	1.12	2.36	1.84	0.75	4.0

Bảng 4. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

TT	Thông số		Đơn vị	Kết quả		QCVN 26:2010/BTNMT
				K8	K9	
1	Nhiệt độ		°C	26.3	26.5	-
2	Độ ẩm		%	77.8	78	-
3	Tốc độ gió		m/s	0.59	0.77	-
4	Ánh sáng		Lux	-	-	-
4	Mức ồn	LAeq	dBA	60.2	62.9	≤70
		LAmaz		63.1	63.6	-

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BT NMT	QCVN 06:2009/BTN MT
			K8	K9		
5	CO	Mg/m ³	<9	<9	30	-
6	NO ₂	Mg/m ³	0.013	0.018	0.2	-
7	SO ₂	Mg/m ³	<0.040	<0.040	0.35	-
8	HC	Mg/m ³	KPH (0.006)	KPH (0.006)	-	5.0
9	VOC	Mg/m ³	KPH (0.01)	KPH (0.01)	-	-
10	Bụi tổng	Mg/m ³	0.11	0.09	0.3	-

- Ngày 21/06/2024:

Bảng 5. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

STT	Thông số		Đơn vị	Kết quả						Giới hạn cho phép
				K1	K2	K3	K4	K5	K6	
1	Nhiệt độ		°C	30.4	30.5	30.6	30.9	31.4	31.5	18-32
2	Độ ẩm		%	72.4	72.2	72.3	71.7	72.1	71.5	40-80
3	Tốc độ gió		m/s	0.42	0.44	0.46	0.42	0.32	0.37	0.2-1.5
4	Ánh sáng		Lux	398	420	424	401	363	319	≥200
5	Gia tốc rung	Đứng	m ² /s	0.0012	0.0012	0.0012	0.0023	0.0016	0.0017	0.086
		Ngang	m ² /s	0.0026	0.0027	0.0029	0.0058	0.0039	0.0041	0.06
6	Mức ồn	LAeq	dBA	74.5	71.4	73.6	80.3	76.6	80.4	≤85
		LAmaz		79.9	77.5	76.6	82.5	80.3	83.2	≤115
7	CO		Mg/m ³	<9	<9	<9	<9	<9	<9	40
8	NO ₂		Mg/m ³	0.027	0.032	0.025	0.017	0.017	0.019	10

9	SO ₂	Mg/m ³	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	10
10	HC	Mg/m ³	<0.020	0.065	<0.020	<0.020	0.145	<0.020	300
11	VOC	Mg/m ³	0.093	0.333	0.199	0.157	1.043	0.281	-
12	Bụi tổng	Mg/m ³	1.32	1.5	0.93	7.16	2.17	3.5	4.0

- Ngày 09/10/2024:

Bảng 6. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

STT	Thông số		Đơn vị	Kết quả						Giới hạn cho phép	
				K1	K2	K3	K4	K5	K6		K7
1	Nhiệt độ		°C	30.9	31.2	31.3	31.6	31.7	31.8	27.4	18-32
2	Độ ẩm		%	49.6	49.3	51.5	51.6	46.7	45.4	46.8	40-80
3	Tốc độ gió		m/s	0.4	0.44	0.5	0.45	0.43	0.31	0.25	0.2-1.5
4	Ánh sáng		Lux	429	412	431	512	340	329	-	>300
5	Gia tốc rung đứng		m/s ²	0.0003	0.0003	0.0003	0.0008	0.0003	0.0003	-	0.086
	Gia tốc rung ngang		m/s ²	0.001	0.001	0.0011	0.015	0.011	0.0087	-	0.06
6	Mức ồn	LAeq	dBA	70.7	82.7	62.1	73.4	73.8	79.8	60.3	≤85
		LAmaz		78.5	90.7	71	93.7	87.7	93.8	77.3	≤115
7	CO		Mg/m ³	<9	<9	<9	<9	<9	<9	<9	40
8	NO ₂		Mg/m ³	0.033	0.036	0.03	0.02	0.023	0.027	0.012	10
9	SO ₂		Mg/m ³	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	10
10	HC		Mg/m ³	0.01	0.007	0.046	KPH (0.006)	0.011	0.04	0.226	300
11	VOC		Mg/m ³	0.053	0.091	0.202	0.123	0.194	0.117	0.429	-
12	Bụi tổng		Mg/m ³	1.71	1.22	0.82	3.59	3.19	0.82	0.4	4.0

Bảng 7. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

TT	Thông số		Đơn vị	Kết quả		QCVN 26:2010/BTNMT	
				K8	K9		
1	Nhiệt độ		°C	30.5	30.5	-	
2	Độ ẩm		%	51.6	52.1	-	
3	Tốc độ gió		m/s	1.21	1.21	-	
4	Mức ồn	L _{Aeq}	dBA	57.5	57.7	≤70	
		L _{Amax}		61.5	61.7	-	
TT	Thông số		Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 06:2009/BTNMT
				K8	K9		
5	CO		Mg/m ³	<9000	<9000	30000	-
6	NO ₂		Mg/m ³	14	18	200	-
7	SO ₂		Mg/m ³	<40	<40	350	-
8	HC		Mg/m ³	KPH(6)	KPH(6)	-	5000
9	VOC		Mg/m ³	KPH(10)	KPH(10)	-	-
10	Bụi tổng		Mg/m ³	103	86	300	-

- Ngày 25/12/2024:

Bảng 8. Kết quả quan trắc môi trường không khí phòng sản xuất

ST T	Thông số	Đơn vị	Kết quả						Giới hạn cho phép
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	
1	Nhiệt độ	°C	23.8	24.3	24.5	23.4	22	23.6	18-32
2	Độ ẩm	%	61.5	61.1	60.5	60.1	60.9	60.4	40-80
3	Tốc độ gió	m/s	0.39	0.35	0.39	0.4	0.35	0.25	0.2-1.5

4	Ánh sáng		Lux	405	410	431	401	351	323	≥300
5	Gia tốc rung đứng		m/s ²	0.0025	0.0027	0.0026	0.0057	0.0035	0.004	0.086
	Gia tốc rung ngang		m/s ²	0.0014	0.0012	0.0011	0.0025	0.0016	0.0017	0.06
6	Mức ồn	L _{Aeq}	dBA	73.8	69.5	71.6	81.8	75.6	79.5	≤85
		L _{Amax}		80.5	75.1	78.4	90.8	78.2	80.1	≤115
7	CO		Mg/m ³	<9	<9	<9	<9	<9	<9	40
8	NO ₂		Mg/m ³	0.023	0.03	0.027	0.016	0.019	0.022	10
9	SO ₂		Mg/m ³	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	<0.040	10
10	HC		Mg/m ³	0.034	0.029	0.033	0.038	0.024	0.042	300
11	VOC		Mg/m ³	0.052	0.059	0.054	0.033	0.015	0.057	-
12	Bụi tổng		Mg/m ³	1.57	1.11	1.82	2.03	1.38	1.42	4.0

4. Về quản lý chất thải

Thông kê CTRCNTT:

TT	Nhóm CTRTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	CTRCNTT	16.656	Công ty CP Môi trường xanh Minh Phúc. 431/GPMT-BTNMT	

Thông kê CTNH:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽¹⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Vỏ hộp mực in, photocopy	08 02 04	4	TĐ, HR		
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ dính TPNH	18 02 01	790	TĐ, HR		

Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải tổng hợp	17 02 03	450	Tách nước, TC, TĐ,HR	Công ty CP Môi trường xanh Minh Phúc. 431/GPMT-BTNMT	Thuê xử lý
Bao bì mềm thải dính TPNH	18 01 01	560	TĐ,HR		
Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải	19 05 02	130	Tách nước,TĐ, HR		
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5	Nghiên ép, HR		
Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	115	Tẩy rửa, TC		
Ấc quy thải	16 01 12	20	Súc rửa, PT, TC,TĐ,HR		
Tổng		2.074			

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới: Quản lý, phân loại, lưu trữ CTNH đúng quy định. Tiếp tục kí hợp đồng vận chuyển, xử lý CTNH với đơn vị có đầy đủ chức năng.

5. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Thời gian	Cơ quan kiểm tra	Yêu cầu	Kết quả khắc phục

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU


 TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Đức Thành

HỢP TÁC XÃ MÔI TRƯỜNG
THU XANG
Số: 01 / HĐ - KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Minh Tân ,ngày 01 tháng 01 năm 2025.

HỢP ĐỒNG

V/v: Quét dọn vệ sinh môi trường

- Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan.

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan.

-Căn cứ vào nhu cầu của mỗi bên:

Hôm nay ngày 01 tháng 01 năm 2025. Chúng tôi gồm:

I/ ĐẠI DIỆN (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

Do Ông: **Bùi Đức Thành** Chức vụ: Phó tổng giám đốc làm đại diện

Địa chỉ : Phường Minh Tân ,thị xã Kinh Môn ,tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 02203820389

Số tài khoản: 113000080351 Tại ngân hàng công thương đông Hải Dương

Mã số thuế : 0800932851

II/ ĐẠI DIỆN (BÊN B) HTX MÔI TRƯỜNG THU XANG

Địa chỉ : Phố Vọng Chàm ,phường Minh Tân ,thị xã Kinh Môn , tỉnh Hải Dương

Đại diện: :**Trần Thị Minh Thu** chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc

Điện thoại : 02203520.657

Tài Khoản : 114000061572-Tại ngân hàng công thương - CN đông Hải Dương.

Mã số thuế : 0800841562

Hai bên đã cùng nhau thoả thuận đi đến thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng.

HTX môi trường Thu Xang nhận làm công tác quét dọn vệ sinh môi trường cho công ty ,cá nhân có phương tiện vận tải nguyên vật liệu trên các tuyến đường trên địa bàn P. Minh Tân.

Tuyến Đường, từ Đèo Gai mở G6 ,đi Góc Đa, Đốc Tít , vào bãi trung gian của nhà máy xi măng Hoàng Thạch gồm: Quét dọn vệ sinh giảm thiểu bụi ,khôi thông mương rãnh thoát nước hai bên lề đường.

Thời gian quét dọn: Trong khu vực đông dân cư HTX dọn liên tục trong các ngày công ty hoạt động sản xuất vận chuyển vật liệu khoáng sản, quét dọn chủ yếu vào thời gian buổi sáng hoặc buổi tối.

Kết thúc vận chuyển buổi tối từ 19 giờ đến 21 giờ. ngoài ra HTX tổ chức quét dọn bổ xung và xử lý vật liệu rơi vãi cục bộ trong khi vận chuyển.

Điều 2: Mức thu và hình thức thanh toán phí

Hai bên thống nhất thỏa thuận mức thu phí là: 1,000,000 đ/tháng

Bằng chữ: (Một triệu đồng chẵn)

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản .

(Được hiểu số phí trên là chưa có thuế GTGT)

Điều 3: Trách nhiệm, quyền lợi mỗi bên:

- **Bên A** : Trong quá trình vận chuyển vật liệu. Chạy đúng tốc độ theo quy định, không được quá trọng tải quy định . đảm bảo che đậy hạn chế tối đa ,nguyên vật liệu rơi vãi xuống đường, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông trên trục đường .

- Thông tin kịp thời những phát sinh ngoài hợp đồng và sự cố rơi vãi cục bộ để 2 bên xử lý kịp thời.

- Thanh toán đúng đủ kinh phí trả thù lao cho người lao động và phương tiện cho HTX môi trường theo tháng.

- Khi các phương tiện không tham gia vận chuyển nguyên vật liệu trên các tuyến đường trên Bên A phải thông báo cho bên B biết trước 15 ngày.

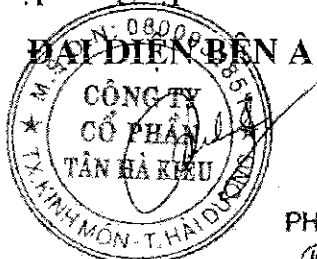
- **Bên B** tổ chức quét dọn, thu gom rác thải vận chuyển đổ tập chung tại bãi rác của phường, trang bị bảo hộ dụng cụ chuyên ngành môi trường , đảm bảo thường xuyên các tuyến đường trên sạch , khi có điều chỉnh mức thu phí 2 bên có trách nhiệm bàn bạc đi đến thống nhất chung về việc thay đổi.

Điều 4: cam kết chung

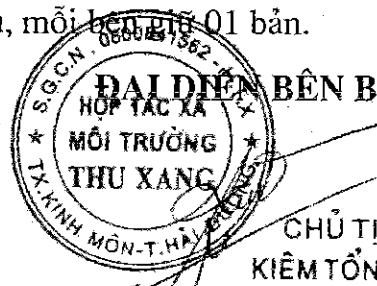
Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các qui định đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên trao đổi thống nhất giải quyết, nếu bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, đến 31/12/2025.

Hợp đồng lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Đức Thành



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ MINH THU

HỢP TÁC XÃ MÔI TRƯỜNG
THU XANG
Số: 02 / HĐ - KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Minh Tân, ngày 01 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG

V/v Thu gom vận chuyển rác thải vệ sinh môi trường

- Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan.
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay ngày 01 Tháng 01 năm 2025 Chúng tôi gồm:

I/ Đại Diện (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

Do Ông: **Bùi Đức Thành** Chức Vụ : Phó tổng giám đốc.

Địa chỉ : Phường Minh Tân ,thị xã Kinh Môn ,tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 02203 820 389

Số tài khoản: 113000080351 Tại ViettinBank –CN đông Hải Dương .

Mã số thuế : 0800932851

II/ Đại diện (Bên B) HTX MÔI TRƯỜNG THU XANG

Do Bà : **Trần Thị Minh Thu** Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc

Địa chỉ : Phố Vọng Chàm , P. Minh Tân , TX. Kinh Môn ,T. Hải Dương

Điện thoại : 02203520.657

Số tài Khoản : 114000061572 Tại ViettinBank – CN đông Hải Dương

Mã số thuế : 0800841562

Hai bên đã cùng nhau thoả thuận đi đến thống nhất ký hợp đồng với nội dung sau.

Điều 1: Trách nhiệm của bên B :HTX môi trường Thu Xang nhận làm công tác thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt vệ sinh môi trường về nơi quy định.

Thời gian thu gom 02 ngày một lần vào buổi sáng hoặc buổi chiều.

Điều 2;Trách nhiệm của bên A

Có trách nhiệm thu gom tập trung rác vào đồ chứa rác để tại vị trí quy định.

(Có trách nhiệm thanh toán phí thu gom và lệ phí phát sinh khác nếu có.)

Lưu ý: HTX không nhận thu gom vận chuyển đất đá nguyên vật liệu xây dựng và cây cối. (nói chung là rác thải công nghiệp)

Điều 3 :Điều kiện thanh toán

Hai bên thống nhất thỏa thuận mức thu phí là: 700,000đ/ chuyến

Bằng chữ: (Bảy trăm nghìn đồng một chuyến)

Hình thức thanh toán chuyển khoản.

(Được hiểu số phí trên là chưa có thuế GTGT)

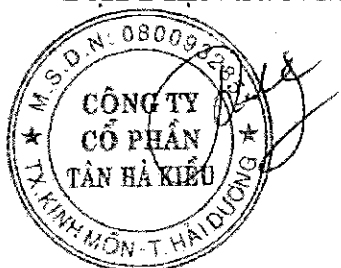
Điều 4: Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các qui định đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc ,thỏa thuận tìm biện pháp để thực hiện hợp đồng. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia phải chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo pháp luật.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2025

Hợp đồng lập thành 04 bản có giá trị như nhau, Mỗi bên giữ 2 bản.

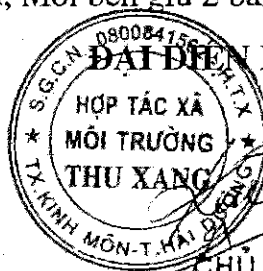
ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Đức Thành

ĐẠI DIỆN BÊN B



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ MINH THU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

HỢP ĐỒNG

Số: 01/HĐ2025/MP-THK

“Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải sinh hoạt”

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự Số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành 01/01/2021.

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

- Căn cứ vào nghị định: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Căn cứ giấy phép môi trường số: 431/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Minh Phúc do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/12/2022.

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ phần Tân Hà Kiều và khả năng của Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại Công ty Cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

Người đại diện: Ông Hòa Sinh Cửu (Huo ShengJiu)

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 02203.820.389

Mã số thuế: 0800932851

Số tài khoản ngân hàng: 4620061217 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -

Chi nhánh Hải Dương

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC

Người đại diện: Lưu Quang Vũ

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Khu 1 - thị trấn Kê Sắt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương - Việt Nam

Điện thoại: 0220.6281919

Mã số thuế: 0800533462

Tài khoản số: 2309201004110 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bình Giang



Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng “*Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, sinh hoạt, công nghiệp không nguy hại*” với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU

1. Vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Công ty Cổ phần Tân Hà Kiều
2. Vận chuyển và xử lý chất thải tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

1. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Kho lưu giữ chất thải của Công ty Cổ phần Tân Hà Kiều

Địa chỉ: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. **Địa điểm lưu giữ, xử lý:** Công ty cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc tại khu 1 thị trấn Kê Sắt, Bình Giang, Hải Dương.

3. **Thời gian phương thức giao nhận:** Chuyển giao khi có sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên.

4. **Danh mục, số lượng chất thải:**

4.1 Danh mục chất thải phát sinh:

STT	Diễn giải	Mã CTNH	Ghi chú
1.	Ấc quy thải	16 01 12	
2.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	
3.	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	
4.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	
5.	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	
6.	Bao bì mềm thải	18 01 01	
7.	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	
8.	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	
9.	Bao bì cứng thải	18 01 04	
10.	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc chứa các chất nguy hại	19 05 02	
11.	Chất thải sinh hoạt	-----	
12.	Chất thải công nghiệp không nguy hại	-----	

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh thêm chất thải thì hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung

4.2 Số lượng chất thải:

- Tùy theo lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B .

533.
NG T
Ổ PH
RƯỜNG
NH PH
/ANG-T

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho hàng hoá lên xe.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá vận chuyển - xử lý chất thải:

- Đơn giá có phụ lục kèm theo
- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và chi phí chuyển tiền qua tài khoản

2. Phương thức thanh toán

- Bên A sẽ thanh toán sau khi nhận được hoá đơn GTGT hợp lệ từ bên B.
- Bên B sẽ trả bên A các liên chứng từ chất thải nguy hại sau khi bên A thanh toán hoá đơn đầy đủ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm bên A

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải nguy hại, bên A phải báo trước cho bên B ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ vận chuyển vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển phù hợp.
- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường, yêu cầu ghi rõ tên, số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao cho bên B các liên còn lại.
- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, xử lý CTNH để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật.
- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.
- Đảm bảo không có bên thứ 3 tham gia vào quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải có trong hợp đồng.

- Phải có trách nhiệm đến cùng với chất thải đã bàn giao, phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng bên B vận chuyển và xử lý những chất thải nói trên một cách an toàn, hiệu quả và triệt để. Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương về quá trình thực hiện quản lý CTNH theo quy định của nhà nước.

2. Trách nhiệm của bên B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.
- Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại CTNH của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển, xử lý và ngay lập tức thông báo cho bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có).
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.
- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.

Y
N
XA
Ú
H

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý CTNH.

- Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

- Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Thông tư 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

- Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

ĐIỀU 5. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Kết thúc thời hạn của hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin.

- Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

- Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam. Khi đó hai bên phải ký biên bản thanh lý hợp đồng.

- Một trong hai bên có thể đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Khi bên A hoặc bên B lâm vào tình trạng bất khả kháng hoặc năng lực xử lý tạm thời bị hạn chế thì các bên chủ động thông báo bằng văn bản để thống nhất công việc.

+ Bên A thanh toán không đúng thời hạn.

- Thủ tục đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng: hai bên gửi văn bản tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng cho bên còn lại.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 02/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

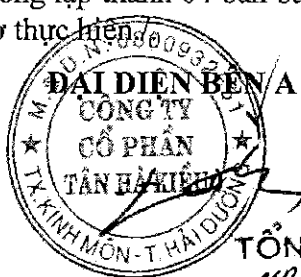
ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

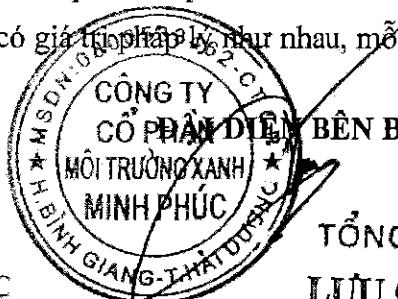
- Hai bên không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ hợp đồng. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được hai bên thống nhất và ký kết bằng Phụ lục hợp đồng kèm theo các điều khoản chi tiết. Bất cứ sự tẩy xóa, sửa đổi nào đều không có hiệu lực.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, kịp thời thông báo cho nhau cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới Tòa án kinh tế Hải Dương để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan.

- Hợp đồng lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoà Sinh Cầu



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 01

(Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải)

- Căn cứ theo hợp đồng số: **01/HĐ2025/MP-THK** ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc và Công ty Cổ phần Tân Hà Kiều

- Căn cứ theo nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại văn phòng công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

Người đại diện: Ông Hỏa Sinh Cửu (Huo ShengJiu)

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 02203.820.389

Mã số thuế: 0800932851

Số tài khoản ngân hàng: 4620061217 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC

Người đại diện: Lưu Quang Vũ

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Khu 1 - thị trấn Kè Sặt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương - Việt Nam

Điện thoại: 0220.6281919

Mã số thuế: 0800533462

Tài khoản số: 2309201004110 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bình Giang

Sau khi thoả thuận hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với các điều khoản sau:

I. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:

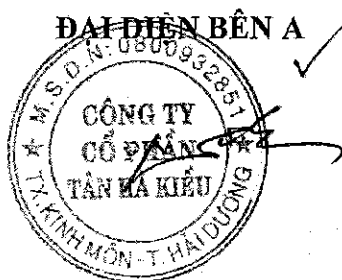
Đơn vị tính: Tiền đồng Việt Nam

(Tiếp trang sau)

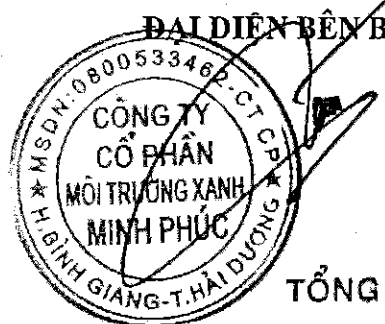


STT	TÊN CHẤT THẢI	Đ.V TÍNH	Mã CTNH	ĐƠN GIÁ (VND)
1	Ắc quy thải	Kg	16 01 12	3.500
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	3.500
3	Hộp chứa mực in thải	Kg	08 02 04	3.500
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính nhiễm thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	3.500
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	3.500
6	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	3.500
7	Bao bì kim loại cứng thải	Kg	18 01 02	3.500
8	Bao bì nhựa cứng thải	Kg	18 01 03	3.500
9	Bao bì cứng thải	Kg	18 01 04	3.500
10	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc chứa các chất nguy hại	Kg	19 05 02	3.500
11	Chất thải sinh hoạt	Kg	-----	3.500
12	Chất thải công nghiệp không nguy hại	Kg	-----	3.500

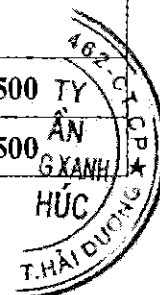
- Tất cả đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT và chi phí chuyển tiền qua tài khoản
- Đơn giá này được duy trì trong thời gian giá cả thị trường không có biến động.
- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng nguyên tắc số: **01/HĐ2025/MP-THK** ký ngày 02 tháng 01 năm 2025.
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoài Linh Cử



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ



TỈNH/THÀNH PHỐ

Hải Dương

Số: ...454.../2024/431/GPMT-BTNMT

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Số giấy phép môi trường: 431/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206.281.919

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206.281.919

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Tân Hà Kiều

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 30.000354.T

Địa chỉ văn phòng: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.820.389

Địa chỉ cơ sở: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.820.389

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	790,0	TĐ, HR
2	Bao bì mềm thải dính dầu	x			18 01 01	560,0	TĐ, HR
	Tổng cộng					1.350,0	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-26012

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Đoàn

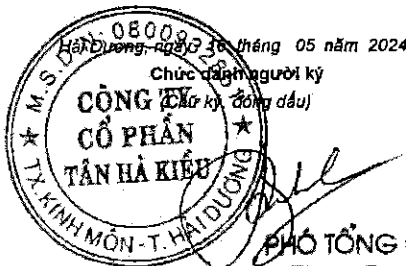
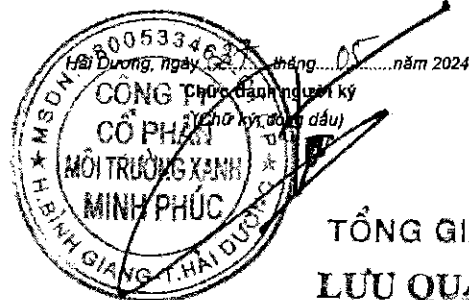
Ký:..... Ngày: 16/05/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:..... Ngày:.....

8. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Đức ThànhTỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☑

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Dương		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Số:/2024/431/GPMT-BTNMT							
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc				Số giấy phép môi trường: 431/GPMT-BTNMT			
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương				ĐT: 02206.281.919			
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương				ĐT: 02206.281.919			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2 :				Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở:				ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Tân Hà Kiều				Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH : 30.000354.T			
Địa chỉ văn phòng: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương				ĐT: 02203.820.389			
Địa chỉ cơ sở: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương				ĐT: 02203.820.389			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	790,0	TĐ, HR
2	Bao bì mềm thải dính dầu	x			18 01 01	560,0	TĐ, HR
	Tổng cộng					1.350,0	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-26012			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Đoàn				Ký:..... Ngày: 16/05/2024			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :				Ký:..... Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
M.S.D.N. 080093 Hải Dương, ngày 16 tháng 05 năm 2024 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu) CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU T. X. KINH MÔN - T. HẢI DƯƠNG PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Bùi Đức Thành				Hải Dương, ngày tháng năm 2024 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)			
©Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☒ - 4 ☐							
Ghi chú:							

Hà Nội

Số :

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):..... Công ty cổ phần Tân Hà Kiên.....



Địa chỉ văn phòng: Thị trấn Phố Mới, Phường Phố Mới, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội DT: 0889 016 620

Địa chỉ công nhân: Thị xã Khu Mỹ, H. Bắc DT: 0885 016 628

2. Bên nhận (Chuyển giao, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

DT: 02206 28 19 19

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

DT: 02206 28 19 19

T.T	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng	Đơn vị tính	Biển số xe
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Gỗ hư hỏng dầm	X			18-02-01	990	ký	34C-26012
2	Dầu bôi trơn - Thỏi dính dầu	X			18-01-01	560	ký	34C-26012
	Tổng khối lượng					1350		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Huế, ngày 16 tháng 5 năm 2024.
Đại diện bên giao
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

W. K. M. M.

Huỳnh, ngày 16 tháng 5 năm 2024
Đại diện bên nhận
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

My dear

TỈNH/THÀNH PHỐ

Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1628 /2024/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường: 431/GPMT-BTNMT

ĐT: 02206.281.919

ĐT: 02206.281.919

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:

ĐT:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Tân Hà Kiều Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH : 30.000354.T

ĐT: 02203.820.389

Địa chỉ văn phòng: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.820.389

Địa chỉ cơ sở: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	450,0	Tách nước, TC, TB, HR
2	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	130,0	Tách nước, TB, HR
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	115,0	Tẩy rửa, TC
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	5,0	Nghiên ép, HR
5	Vỏ hộp mực in, photocopy	x			08 02 04	4,0	TB, HR
6	Ắc quy thải	x			16 01 12	20,0	Súc rửa, PT, TC, TB, HR
	Tổng cộng					724,0	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/lái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-26012

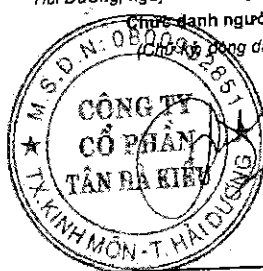
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Đoàn Ký: Nguyễn Văn Đoàn Ngày: 26/12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 : Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

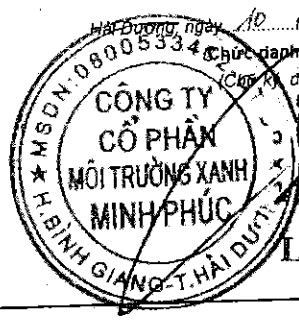
Hải Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2024

Chức danh người ký
(Chức ký đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Đức Thành

Hải Dương, ngày 10 tháng 1 năm 2025

Chức danh người ký
(Chức ký đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯU QUANG VŨLiên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ

Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 431/2024/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường: 431/GPMT-BTNMT

ĐT: 02206.281.919

ĐT: 02206.281.919

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Tân Hà Kiều Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 30.000354.T
Địa chỉ văn phòng: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.820.389
Địa chỉ cơ sở: Khu Từ Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.820.389

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	450,0	Tách nước, TC, TĐ, HR
2	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải		x		19 05 02	130,0	Tách nước, TĐ, HR
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	115,0	Tẩy rửa, TC
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	5,0	Nghiên ép, HR
5	Vỏ hộp mực in, photocopy	x			08 02 04	4,0	TĐ, HR
6	Ác quy thải	x			16 01 12	20,0	Súc rửa, PT, TC, TĐ, HR
	Tổng cộng					724,0	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

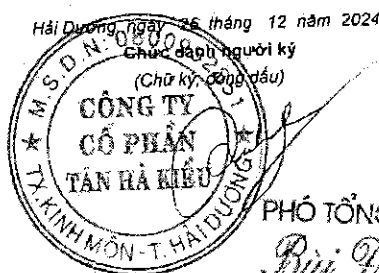
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-26012

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Đoàn Ký: Nguyễn Văn Đoàn Ngày: 26/12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Hải Dương, ngày tháng năm 2024

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☒ - 4 ☐

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Hải Dương...

Số:

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty Cổ phần Tàu Hài Kiên

Địa chỉ văn phòng: p. Minh Tân, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hải Dương DT: 0888.016.626

Địa chỉ cơ sở: p. Minh Tân DT: 0888.016.626

2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương DT: 02206 28 19 19

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương DT: 02206 28 19 19

3. Khối lượng chất thải chuyển giao

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng	Đơn vị tính	Biển số xe
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Dầu máy cò, hộp ss', bồn rửa tay hợp thép		X		17 02 03	450	kg	34C-26012
2	Hóa chất và hỗn hợp hoặc chất phụ gia ở dạng lỏng		X		19 05 02	130	l	V
3	Đào hệ ống thép bằng bình inox	X			18 01 02	185	l	II
4	Hộp đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	5	l	I
5	Vỏ hộp mực in, photocopy	X			08 02 04	4	l	II
6	Ac quy thải	X			16 01 12	10	l	4
	Tổng khối lượng					124		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2024

Đại diện bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Đinh Hưng Việt

Hải Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2024

Đại diện bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

M7 000 0000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH NHÀ MÁY SẢN XUẤT SIC (ĐÃ ĐIỀU CHỈNH)

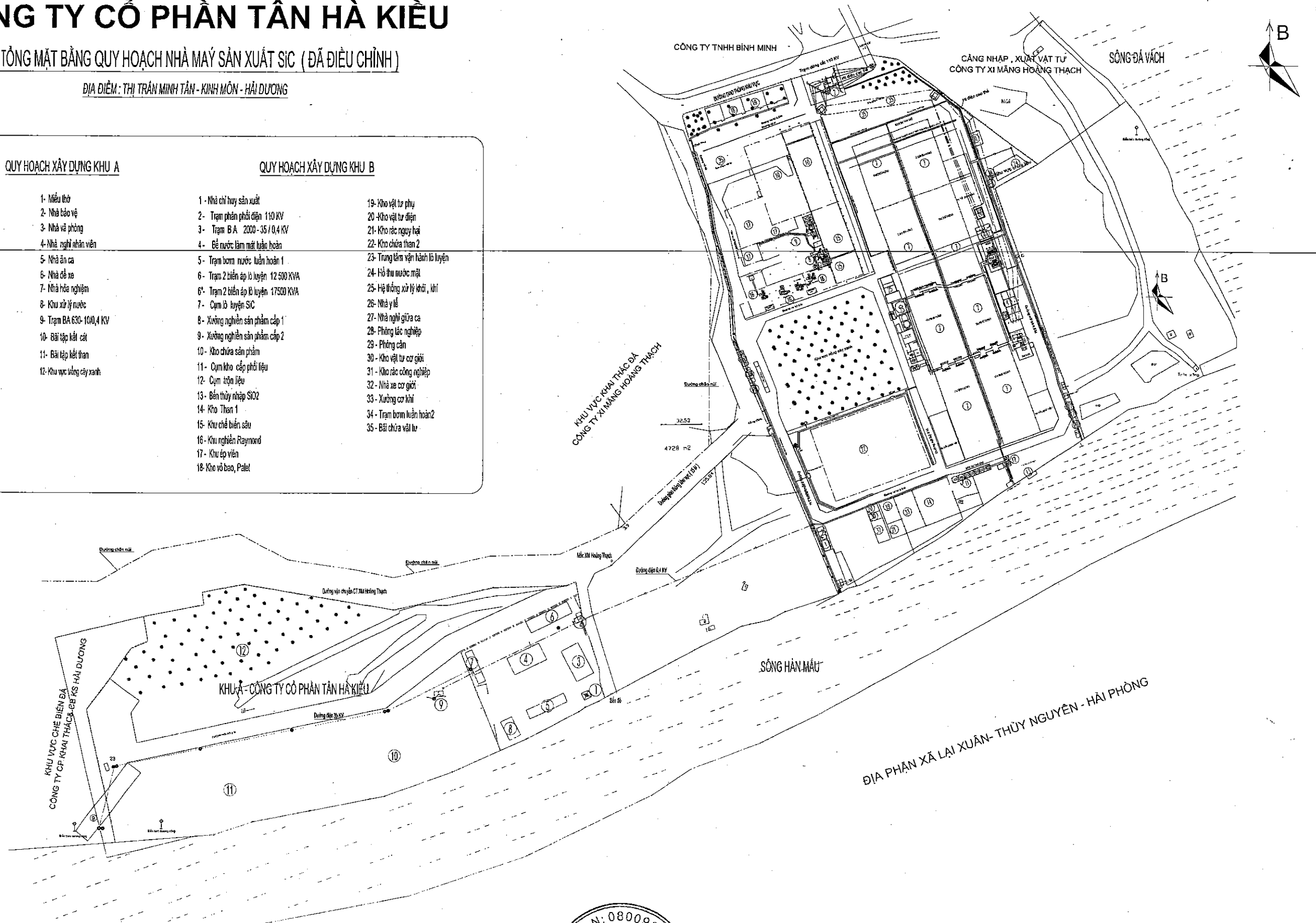
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN MINH TÂN - KINH MÔN - HẢI DƯƠNG

QUY HOẠCH XÂY DỰNG KHU A

- 1- Miếu thờ
- 2- Nhà bảo vệ
- 3- Nhà vệ phòng
- 4- Nhà nghỉ nhân viên
- 5- Nhà ăn ca
- 6- Nhà để xe
- 7- Nhà hóa nghiệm
- 8- Khu xử lý nước
- 9- Trạm BA 630-10/0,4 KV
- 10- Bãi tập kết cát
- 11- Bãi tập kết than
- 12- Khu vực trồng cây xanh

QUY HOẠCH XÂY DỰNG KHU B

- 1- Nhà chỉ huy sản xuất
- 2- Trạm phân phối điện 110 KV
- 3- Trạm BA 2000-35 / 0,4 KV
- 4- Bể nước làm mát tuần hoàn
- 5- Trạm bơm nước tuần hoàn 1
- 6- Trạm 2 biến áp lò luyện 12.500 KVA
- 6*- Trạm 2 biến áp lò luyện 17500 KVA
- 7- Cụm lò luyện SIC
- 8- Xưởng nghiền sản phẩm cấp 1
- 9- Xưởng nghiền sản phẩm cấp 2
- 10- Kho chứa sản phẩm
- 11- Cụm kho cấp phối liệu
- 12- Cụm trộn liệu
- 13- Bể thủy nhập SiO2
- 14- Kho Than 1
- 15- Khu chế biến sâu
- 16- Khu nghiền Raymond
- 17- Khu ép viên
- 18- Kho vỏ bao, Palet
- 19- Kho vật tư phụ
- 20- Kho vật tư điện
- 21- Kho rác nguy hại
- 22- Kho chứa than 2
- 23- Trung tâm vận hành lò luyện
- 24- Hồ thu nước mặt
- 25- Hệ thống xử lý khí, khí
- 26- Nhà y tế
- 27- Nhà nghỉ giữa ca
- 28- Phòng lái nghiệp
- 29- Phòng cân
- 30- Kho vật tư cơ giới
- 31- Kho rác công nghiệp
- 32- Nhà xe cơ giới
- 33- Xưởng cơ khí
- 34- Trạm bơm tuần hoàn 2
- 35- Bãi chứa vật tư



CHỦ ĐẦU TƯ

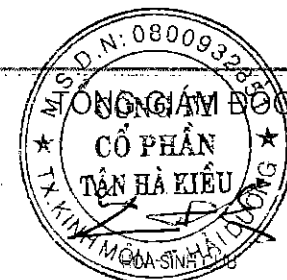
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

TÊN DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC

ĐỊA ĐIỂM

MINH TÂN, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG



KIỂM TRA

ĐỒNG BÌNH

THIẾT KẾ

LÊ VĂN TOÀN

GIẢI ĐOẠN

LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

TỔNG QUY HOẠCH MẶT BẰNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT SIC

TL: 1/100

HOÀN THÀNH: .../20...

KHBV:

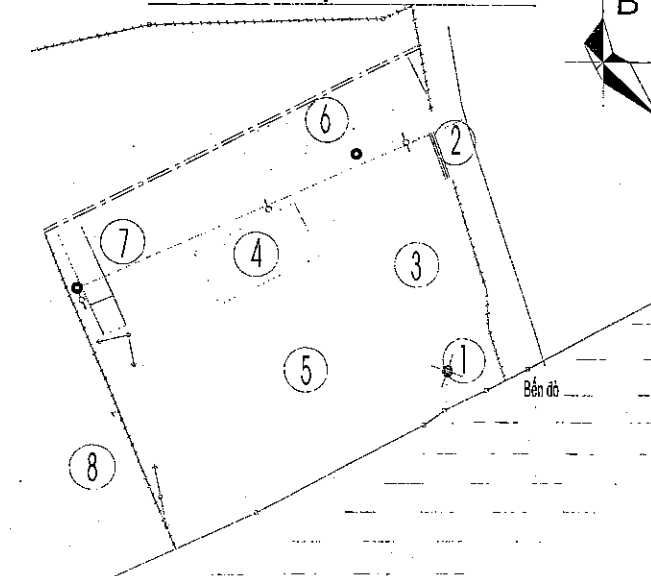
MẶT BẰNG TỔNG THỂ KHU A + B

DIỆN TÍCH: 87.165 M2

QUY HOẠCH KHU B:

- | | |
|---|---|
| ① NHÀ CHỈ HUY (S=87.5 M2) | ⑩ KHO VỎ BAO, PANET (S=963 M2) |
| ② TRẠM ĐIỆN 110 KV | ⑪ TRUNG TÂM VẬN HÀNH LÒ LUYỆN (S=121 M2) |
| ③ TRẠM BIẾN ÁP 2000 - 35/0.4KV (S=245 M2) | ⑫ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI KHÍ (S=84 M2) |
| ④ BỂ NƯỚC LÀM MÁT TUẦN HOÀN+PCCC(V= 750 M3) | ⑬ NHÀ Y TẾ, NHÀ NGHỈ GIỮA CA (S=101 M2) |
| ⑤ TRẠM BƠM NƯỚC TUẦN HOÀN+PCCC(S=24 M2) | ⑭ NHÀ CÂN (S=19 M2) |
| ⑥A TRẠM BIẾN ÁP SỐ 1 (S=2442) | ⑮ PHÒNG TÁC NGHIỆP (S=70.5 M2) |
| ⑥B TRẠM BIẾN ÁP SỐ 2 (S=280 M2) | ⑯ NHÀ TẮM (S=55 M2) |
| ⑦ CỤM LÒ LUYỆN SIC (S=14.280 M2) | ⑰ NHÀ BẢO VỆ (S=17 M2) |
| ⑧A KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT (S=6.962 M2): | ⑱A ⑱B NHÀ ĐỂ XE NHÂN VIÊN (S=189 M2; 144 M2) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 1 | ⑲A ⑲B ⑲C KHU VỆ SINH (S = 8M2/KHU) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 2 | ⑳ KHO CHỨA RÁC CÔNG NGHIỆP (S=88 M2) |
| - KHU CHẾ BIẾN SÂU | ㉑ BÃI THAN |
| - KHU NGHIÊN RAYMOND | ㉒ ĐÀI PHUN NƯỚC |
| - KHU ÉP VIÊN | ㉓ NHÀ NGHỈ GIỮA CA+TRẠM BƠM TUẦN HOÀN(S=33M2) |
| ⑧B KHO CHỨA SẢN PHẨM (S=4.237 M2) | |
| ⑨ KHU VỰC NHÀ KHO (S=2.364 M2) | |
| - CỤM KHO CẤP PHỐI LIỆU | |
| - CỤM TRỘN LIỆU | |
| - BẾN THỦY NHẬP HÀNG | |
| - KHO THAN, KHO VẬT TƯ PHỤ, | |
| - KHO VẬT TƯ ĐIỆN | |
| - KHO RÁC NGUY HẠI | |
| - KHO VẬT TƯ CƠ GIỚI | |
| - NHÀ XE CƠ GIỚI | |
| - XƯỞNG CƠ KHÍ | |

QUY HOẠCH KHU A



- | | |
|------------------------|--------------------|
| 1 - MIẾU THỜ | 5 - NHÀ ĂN CA |
| 2 - NHÀ BẢO VỆ | 6 - NHÀ ĐỂ XE |
| 3 - NHÀ VĂN PHÒNG | 7 - NHÀ HÓA NGHIỆM |
| 4 - NHÀ NGHỈ NHÂN VIÊN | 8 - BỂ XỬ LÝ NƯỚC |

- | | |
|--|--------------------|
| | CỎ, CÂY XANH |
| | TƯỜNG RÀO |
| | CỔNG |
| | NHÀ, XƯỞNG MÀI TÔN |



KIỂM TRA ĐỒNG BÌNH

THIẾT KẾ LÊ VĂN TOÀN

GIAI ĐOẠN LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG
 TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ KHU A+B
 TL: 1/100 HOÀN THÀNH: .../20... KHBV: TT-02

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

TÊN DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC

ĐỊA ĐIỂM

MINH TÂN, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

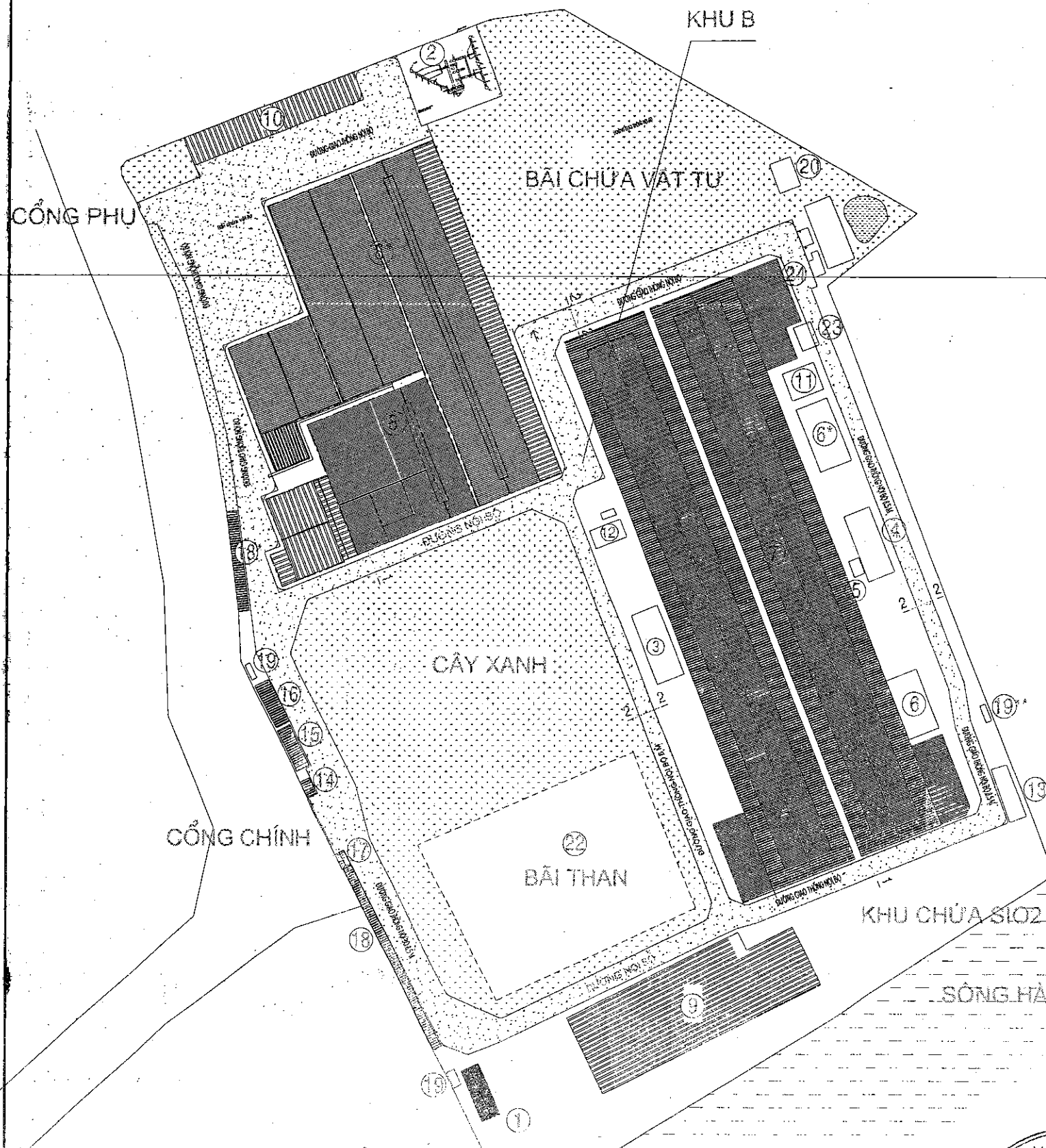
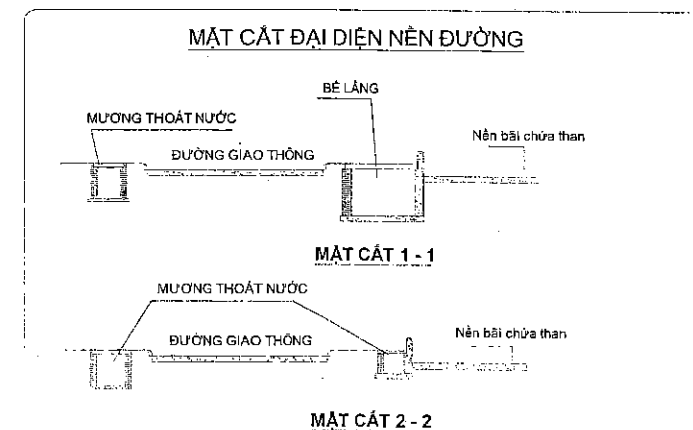
MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG GIAO THÔNG



DIỆN TÍCH: 87.165 M²

QUY HOẠCH KHU B:

- | | |
|--|--|
| ○ NHÀ CHỈ HUY (S=87.5 M ²) | ⑩ KHO VỎ BAO, PANET (S=963 M ²) |
| ② TRẠM ĐIỆN 110 KV | ⑪ TRUNG TÂM VẬN HÀNH LÒ LUYỆN (S=121 M ²) |
| ③ TRẠM BIẾN ÁP 2000 - 35/0.4KV (S=245 M ²) | ⑫ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ (S=84 M ²) |
| ④ BỂ NƯỚC LÀM MÁT TUẦN HOÀN+PCCC(V= 750 M ³) | ⑬ NHÀ Y TẾ, NHÀ NGHỈ GIỮA CA (S=101 M ²) |
| ⑤ TRẠM BƠM NƯỚC TUẦN HOÀN+PCCC(S=24 M ²) | ⑭ NHÀ CÂN (S=19 M ²) |
| ⑥A TRẠM BIẾN ÁP SỐ 1 (S=2442) | ⑮ PHÒNG TÁC NGHIỆP (S=70.5 M ²) |
| ⑥B TRẠM BIẾN ÁP SỐ 2 (S=280 M ²) | ⑯ NHÀ TẮM (S=55 M ²) |
| ⑦ CỤM LÒ LUYỆN SIC (S=14.280 M ²) | ⑰ NHÀ BẢO VỆ (S=17 M ²) |
| ⑧A KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT (S=6.962 M ²): | ⑱A ⑱B NHÀ ĐỂ XE NHÂN VIÊN (S=189 M ² ; 144 M ²) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 1 | ⑲A ⑲B ⑲C KHU VỆ SINH (S = 8M ² /KHU) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 2 | ⑳ KHO CHỨA RÁC CÔNG NGHIỆP (S=88 M ²) |
| - KHU CHẾ BIẾN SÂU | ㉑ BÃI THAN |
| - KHU NGHIÊN RAYMOND | ㉒ ĐÀI PHUN NƯỚC |
| - KHU ÉP VIÊN | ㉓ NHÀ NGHỈ GIỮA CA+TRẠM BƠM TUẦN HOÀN(S=33M ²) |
| ⑧B KHO CHỨA SẢN PHẨM (S=4.237 M ²) | |
| ⑨ KHU VỰC NHÀ KHO (S=2.364 M ²) | |
| - CỤM KHO CẤP PHỐI LIỆU | |
| - CỤM TRỘN LIỆU | |
| - BẾN THỦY NHẬP HÀNG | |
| - KHO THAN, KHO VẬT TƯ PHỤ, | |
| - KHO VẬT TƯ ĐIỆN | |
| - KHO RÁC NGUY HẠI | |
| - KHO VẬT TƯ CƠ GIỚI | |
| - NHÀ XE CƠ GIỚI | |
| - XƯỞNG CƠ KHÍ | |



CHỦ ĐẦU TƯ

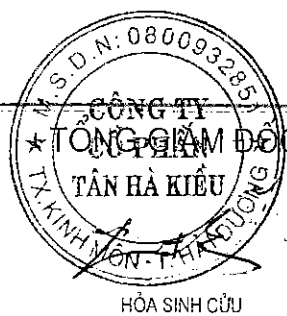
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

TÊN DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC

ĐỊA ĐIỂM

MINH TÂN, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG



KIỂM TRA ĐỒNG BÌNH

THIẾT KẾ LÊ VĂN TOÀN

GIẢI ĐOẠN LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG GIAO THÔNG

TL: 1/100 HOÀN THÀNH: .../20... KHBV:

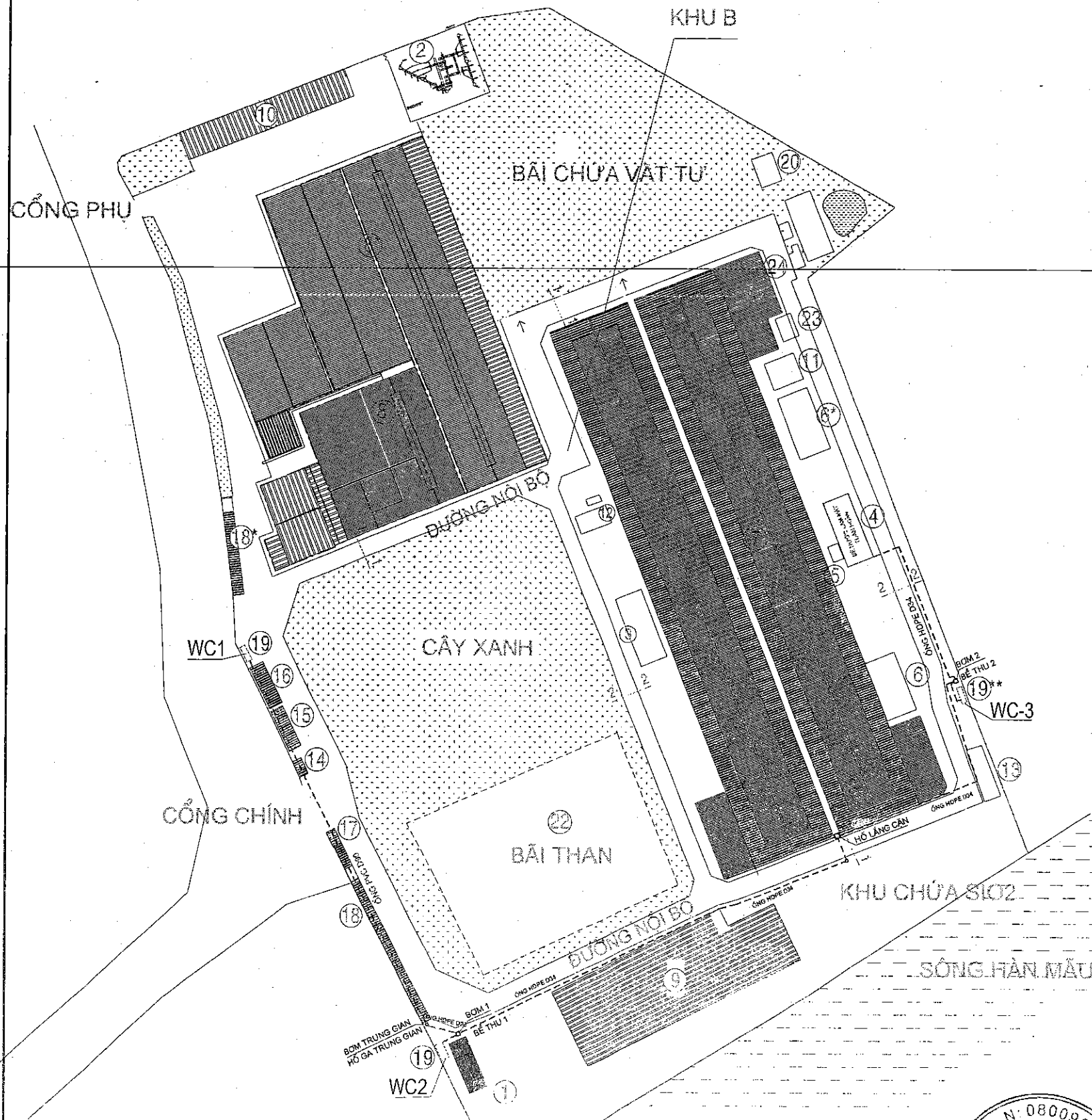
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI



DIỆN TÍCH: 87.165 M2

QUY HOẠCH KHU B:

- | | |
|---|---|
| ○ NHÀ CHỈ HUY (S=87.5 M2) | ⑩ KHO VỎ BAO, PANET (S=963 M2) |
| ② TRẠM ĐIỆN 110 KV | ⑪ TRUNG TÂM VẬN HÀNH LÒ LUYỆN (S=121 M2) |
| ③ TRẠM BIẾN ÁP 2000 - 35/0.4KV (S=245 M2) | ⑫ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI KHÍ (S=84 M2) |
| ④ BỂ NƯỚC LÀM MÁT TUẦN HOÀN+PCCC(V= 750 M3) | ⑬ NHÀ Y TẾ, NHÀ NGHỈ GIỮA CA (S=101 M2) |
| ⑤ TRẠM BƠM NƯỚC TUẦN HOÀN+PCCC(S=24 M2) | ⑭ NHÀ CÂN (S=19 M2) |
| ⑥A TRẠM BIẾN ÁP SỐ 1 (S=2442) | ⑮ PHÒNG TÁC NGHIỆP (S=70.5 M2) |
| ⑥B TRẠM BIẾN ÁP SỐ 2 (S=280 M2) | ⑯ NHÀ TẮM (S=55 M2) |
| ⑦ CỤM LÒ LUYỆN SIC (S=14.280 M2) | ⑰ NHÀ BẢO VỆ (S=17 M2) |
| ⑧A KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT (S=6.962 M2): | ⑱A ⑱B NHÀ ĐỂ XE NHÂN VIÊN (S=189 M2; 144 M2) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 1 | ⑲A ⑲B ⑲C KHU VỆ SINH (S = 8M2/KHU) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 2 | ⑳ KHO CHỨA RÁC CÔNG NGHIỆP (S=88 M2) |
| - KHU CHẾ BIẾN SÂU | ㉑ BÃI THAN |
| - KHU NGHIÊN RAYMOND | ㉒ ĐÀI PHUN NƯỚC |
| - KHU ÉP VIÊN | ㉓ NHÀ NGHỈ GIỮA CA+TRẠM BƠM TUẦN HOÀN(S=33M2) |
| ⑧B KHO CHỨA SẢN PHẨM (S=4.237 M2) | |
| ⑨ KHU VỰC NHÀ KHO (S=2.364 M2) | |
| - CỤM KHO CẤP PHỐI LIỆU | |
| - CỤM TRỘN LIỆU | |
| - BẾN THỦY NHẬP HÀNG | |
| - KHO THAN, KHO VẬT TƯ PHỤ, | |
| - KHO VẬT TƯ ĐIỆN | |
| - KHO RÁC NGUY HẠI | |
| - KHO VẬT TƯ CƠ GIỚI | |
| - NHÀ XE CƠ GIỚI | |
| - XƯỞNG CƠ KHÍ | |



- | | |
|--|--------------|
| | ỐNG HDPE D20 |
| | ỐNG HDPE D34 |
| | ỐNG PVC D90 |

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

TÊN DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC

ĐỊA ĐIỂM

MINH TÂN, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG



KIỂM TRA ĐỒNG BÌNH

THIẾT KẾ LÊ VĂN TOÀN

GIẢI ĐOẠN LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

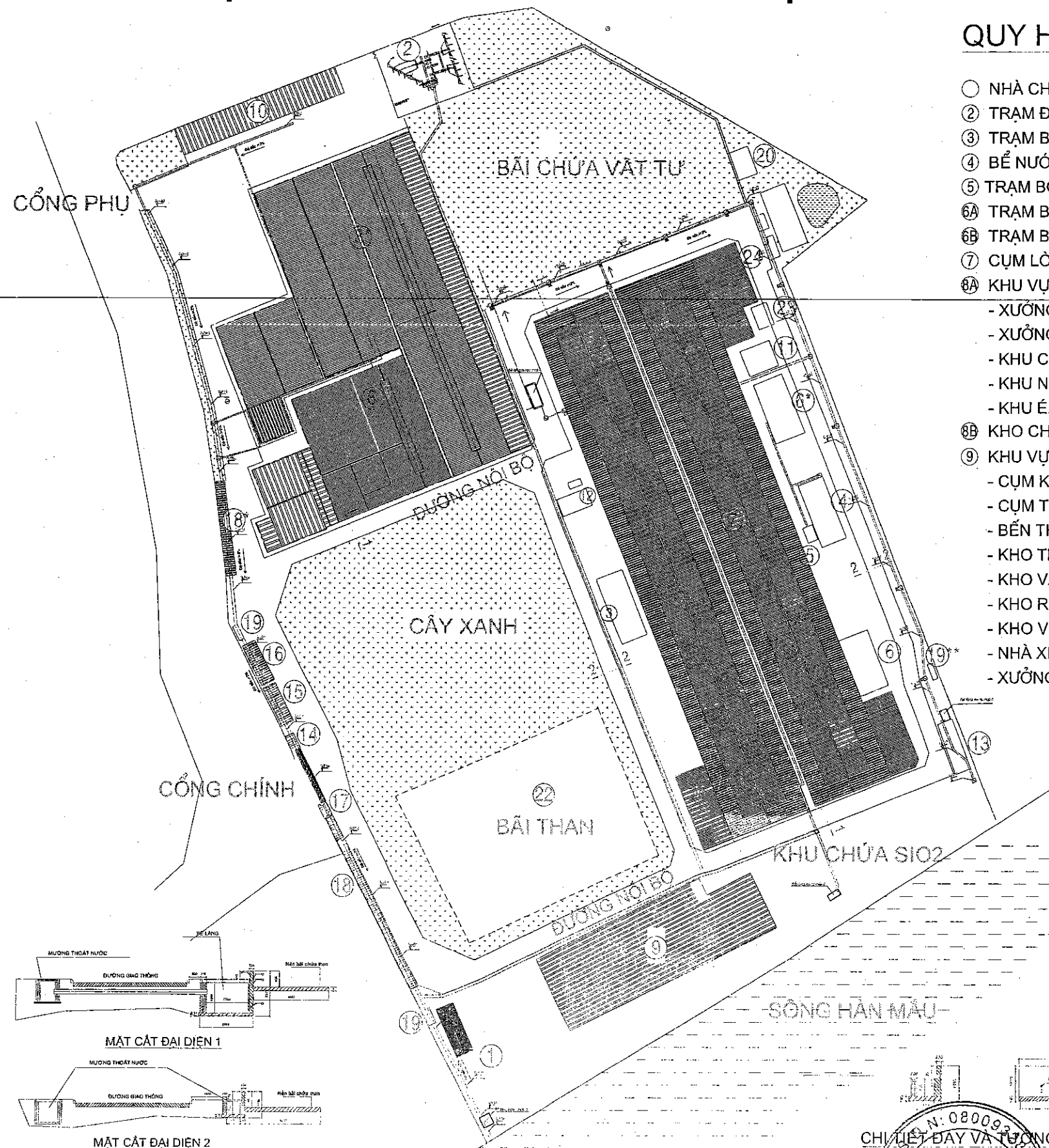
TL: 1/100 HOÀN THÀNH: ... / 20 ... KHBV:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

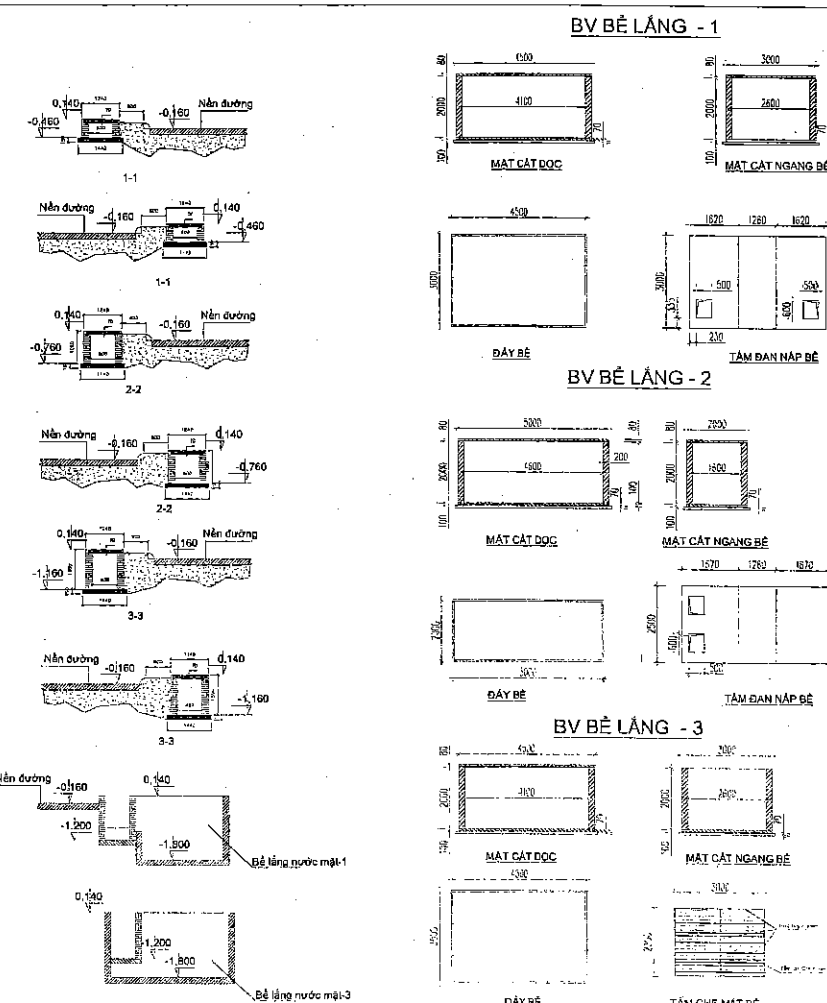


QUY HOẠCH KHU B:

DIỆN TÍCH: 87.165 M²



- | | |
|--|---|
| ○ NHÀ CHỈ HUY (S=87.5 M ²) | ⑩ KHO VỎ BAO, PANET (S=963 M ²) |
| ② TRẠM ĐIỆN 110 KV | ⑪ TRUNG TÂM VẬN HÀNH LÒ LUYỆN (S=121 M ²) |
| ③ TRẠM BIẾN ÁP 2000 - 35/0.4KV (S=245 M ²) | ⑫ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI KHÍ (S=84 M ²) |
| ④ BỂ NƯỚC LÀM MÁT TUẦN HOÀN+PCCC(V= 750 M ³) | ⑬ NHÀ Y TẾ, NHÀ NGHỈ GIỮA CA (S=101 M ²) |
| ⑤ TRẠM BƠM NƯỚC TUẦN HOÀN+PCCC(S=24 M ²) | ⑭ NHÀ CÂN (S=19 M ²) |
| ⑥A TRẠM BIẾN ÁP SỐ 1 (S=2442) | ⑮ PHÒNG TÁC NGHIỆP (S=70.5 M ²) |
| ⑥B TRẠM BIẾN ÁP SỐ 2 (S=280 M ²) | ⑯ NHÀ TẮM (S=55 M ²) |
| ⑦ CỤM LÒ LUYỆN SIC (S=14.280 M ²) | ⑰ NHÀ BẢO VỆ (S=17 M ²) |
| ⑧A KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT (S=6.962 M ²): | ⑱A ⑱B ⑱C NHÀ ĐỂ XE NHÂN VIÊN (S=189 M ² ; 144 M ²) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SÁN PHẨM CẤP 1 | ⑲A ⑲B ⑲C KHU VỆ SINH (S = 8M ² /KHU) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SÁN PHẨM CẤP 2 | ⑳ KHO CHỨA RÁC CÔNG NGHIỆP (S=88 M ²) |
| - KHU CHẾ BIẾN SÂU | ㉑ BÃI THAN |
| - KHU NGHIÊN RAYMOND | ㉒ ĐÀI PHUN NƯỚC |
| - KHU ÉP VIÊN | ㉓ NHÀ NGHỈ GIỮA CA+TRẠM BƠM TUẦN HOÀN(S=33M ²) |
| ⑧B KHO CHỨA SẢN PHẨM (S=4.237 M ²) | |
| ⑨ KHU VỰC NHÀ KHO (S=2.364 M ²) | |
| - CỤM KHO CẤP PHỐI LIỆU | |
| - CỤM TRỘN LIỆU | |
| - BẾN THỦY NHẬP HÀNG | |
| - KHO THAN, KHO VẬT TƯ PHỤ, | |
| - KHO VẬT TƯ ĐIỆN | |
| - KHO RÁC NGUY HẠI | |
| - KHO VẬT TƯ CƠ GIỚI | |
| - NHÀ XE CƠ GIỚI | |
| - XƯỞNG CƠ KHÍ | |



CHI TIẾT ĐÁY VÀ TƯỜNG CHÂN THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ

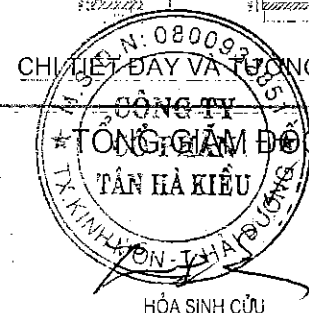
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

TÊN DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC

ĐỊA ĐIỂM

MINH TÂN, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG



KIỂM TRA

ĐỒNG BÌNH

THIẾT KẾ

LÊ VĂN TOÀN

GIẢI ĐOẠN

LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

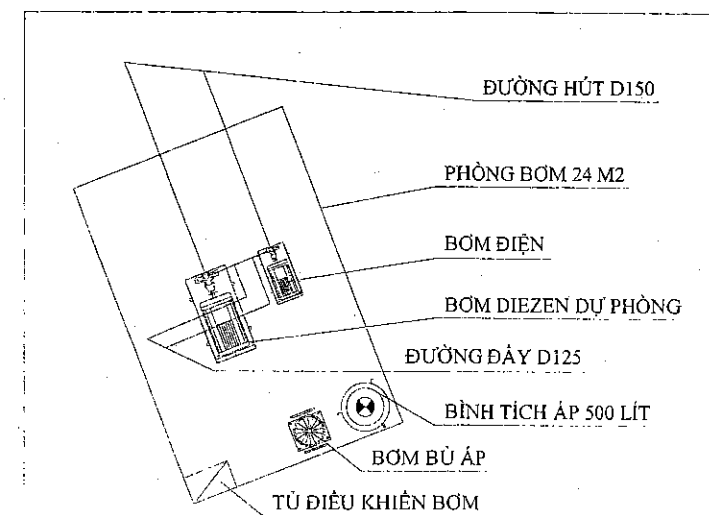
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
THOÁT NƯỚC MƯA

TL: 1/100

HOÀN THÀNH: .../20... KHBV:

QUY HOẠCH KHU B:

- 
ĐƯỜNG ỐNG THÉP CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY HDPE DN140
TRU TIẾP NƯỚC CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ

[illegible]

LÊ VĂN TOÀN

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
CẤP NƯỚC VÀ PCCC

HOÀN THÀNH: ... / 20 ... KHBY:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG DÂY 110KV VÀ 35KV

DIỆN TÍCH: 87.165 M2

QUY HOẠCH KHU B:

- | | |
|--|---|
| ① NHÀ CHỈ HUY (S=87.5 M2) | ⑩ KHO VỎ BAO, PANET (S=963 M2) |
| ② TRẠM ĐIỆN 110 KV | ⑪ TRUNG TÂM VẬN HÀNH LỒ LUYỆN (S=121 M2) |
| ③ TRẠM BIẾN ÁP 2000 - 35/0.4KV (S=245 M2) | ⑫ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI KHÍ (S=84 M2) |
| ④ BỂ NƯỚC LÀM MÁT TUẦN HOÀN + PCCC (V= 750 M3) | ⑬ NHÀ Y TẾ, NHÀ NGHỈ GIỮA CA (S=101 M2) |
| ⑤ TRẠM BƠM NƯỚC TUẦN HOÀN + PCCC (S=24 M2) | ⑭ NHÀ CÂN (S=19 M2) |
| ⑥A TRẠM BIẾN ÁP SỐ 1 (S=2442) | ⑮ PHÒNG TÁC NGHIỆP (S=70.5 M2) |
| ⑥B TRẠM BIẾN ÁP SỐ 2 (S=280 M2) | ⑯ NHÀ TẮM (S=55 M2) |
| ⑦ CỤM LỒ LUYỆN SIC (S=14.280 M2) | ⑰ NHÀ BẢO VỆ (S=17 M2) |
| ⑧A KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT (S=6.962 M2): | ⑱A ⑱B NHÀ ĐỂ XE NHÂN VIÊN (S=189 M2; 144 M2) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 1 | ⑲A ⑲B ⑲C KHU VỆ SINH (S = 8M2/KHU) |
| - XƯỞNG NGHIÊN SẢN PHẨM CẤP 2 | ⑳ KHO CHỨA RÁC CÔNG NGHIỆP (S=88 M2) |
| - KHU CHẾ BIẾN SÂU | ㉑ BÃI THAN |
| - KHU NGHIÊN RAYMOND | ㉒ ĐÀI PHUN NƯỚC |
| - KHU ÉP VIÊN | ㉓ NHÀ NGHỈ GIỮA CA + TRẠM BƠM TUẦN HOÀN (S=33 M2) |
| ⑧B KHO CHỨA SẢN PHẨM (S=4.237 M2) | |
| ⑨ KHU VỰC NHÀ KHO (S=2.364 M2): | |
| - CỤM KHO CẤP PHỐI LIỆU | |
| - CỤM TRỘN LIỆU | |
| - BẾN THỦY NHẬP HÀNG | |
| - KHO THAN, KHO VẬT TƯ PHỤ, | |
| - KHO VẬT TƯ ĐIỆN | |
| - KHO RÁC NGUY HẠI | |
| - KHO VẬT TƯ CƠ GIỚI | |
| - NHÀ XE CƠ GIỚI | |
| - XƯỞNG CƠ KHÍ | |

MẶT VÍA HÈ

KẾT CẤU NỀN VÍA HÈ

LƯỚI BẢO HIỆU CÁP

TẤM BÊ TÔNG BẢO VỆ

CÁT ĐEN ĐÁM CHẶT K98

ỐNG HDPE DN

CÁP NGẦM 35KV

MẶT CẮT RÃNH CÁP 35KV CHÔN NGẦM

KÍ HIỆU:

- | | |
|--------------------------|------------------------------|
| — 35KV — 35KV — 20KV — | - ĐƯỜNG DÂY 35KV TRÊN KHÔNG |
| — 110KV — 110KV — 20KV — | - ĐƯỜNG DÂY 35KV CHÔN NGẦM |
| — 110KV — 110KV — 20KV — | - ĐƯỜNG DÂY 110KV TRÊN KHÔNG |
| ○ | - CỘT ĐIỆN LY TÂM |
| □ | - TRẠM BIẾN ÁP DC |
| △ | - TRẠM BIẾN ÁP 35KV/0.4KV |

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HÀ KIỀU

TÊN DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CACBUA SILIC

ĐỊA ĐIỂM

MINH TÂN, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG



KIỂM TRA

ĐỒNG BÌNH

THIẾT KẾ

LÊ VĂN TOÀN

GIẢI ĐOẠN

LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐƯỜNG DÂY 110KV + 35KV

TL: 1/100

HOÀN THÀNH: .../20...

KHBV: